

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Lê Hoàng Đâm

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN
DÂN SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Lê Hoàng Đảm

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN
DÂN SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. LƯƠNG THANH CƯỜNG**

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình do tôi tự nghiên cứu; các số liệu trong luận văn có cơ sở rõ ràng và trung thực. Kết luận của luận văn không trùng lặp với các công trình nghiên cứu có liên quan đã được công bố.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018

Tác giả luận văn

Lê Hoàng Đảm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	8
1.1. Khái quát chung về cường chế Thi hành án dân sự	8
1.2. Quản lý nhà nước về cường chế thi hành án dân sự	13
1.3. Yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý của quản lý nhà nước về cường chế Thi hành án dân sự	30
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở TỈNH CÀ MAU	37
2.1. Thực trạng các yếu tố cấu thành quản lý nhà nước về cường chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau	37
2.2. Mức độ đáp ứng yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý của quản lý nhà nước về cường chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau	53
2.3. Nhận xét về quản lý nhà nước về cường chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau	55
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ - TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU	60
3.1. Định hướng bảo đảm quản lý nhà nước về cường chế Thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Cà Mau	60
3.2. Giải pháp bảo đảm quản lý nhà nước về cường chế Thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Cà Mau	65
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- BCT:** Bộ Chính trị
- BLDS:** Bộ luật dân sự
- BLHS:** Bộ luật hình sự
- BLTTDS:** Bộ luật tố tụng dân sự
- BLTTHS:** Bộ luật tố tụng hình sự
- BMNN:** Bộ máy Nhà nước
- BPCC:** Biện pháp cưỡng chế
- BPCCTHADS:** Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự
- BTP:** Bộ Tư pháp
- CCTHADS:** Cưỡng chế thi hành án dân sự
- CHV:** Chấp hành viên
- KSV:** Kiểm sát viên
- LHP:** Luật hiến pháp
- LTHADS:** Luật thi hành án dân sự
- NN và PL:** Nhà nước và Pháp Luật
- TAND:** Tòa án nhân dân
- TP:** Thẩm phán
- TPL:** Thừa phát lại
- THA:** Thi hành án
- THADS:** Thi hành án dân sự
- VKSND:** Viện kiểm sát nhân dân
- XHCN:** Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Biên chế cán bộ, công chức và người lao động của THADS toàn tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017.....	40
Bảng 2.2: Trình độ công chức của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017.....	42
Bảng 2.3: Quy trình, thủ tục cưỡng chế THADS tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017.....	50
Bảng 2.4: Công tác giám sát tại tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017.....	52
Bảng 2.5: Công tác kiểm sát tại tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017.....	54

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động thi hành án dân sự là giai đoạn cuối của quá trình tố tụng, đảm bảo cho Bản án, quyết định của Tòa án được chấp hành và có hiệu lực trên thực tế nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Trong hoạt động tư pháp, việc bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án là một yêu cầu tất yếu khách quan, là nguyên tắc hiến định chỉ đạo toàn bộ tổ chức và hoạt động thi hành án nói chung và hoạt động thi hành án dân sự nói riêng. Điều 106 Hiến pháp năm 2013 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định “Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành” [61].

Do vị trí, vai trò quan trọng của công tác thi hành án Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến 2020 đã đề ra nhiệm vụ chuẩn bị các điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để giao Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành án trên toàn quốc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác này, bảo vệ quyền, lợi ích của Nhà nước và mọi tổ chức công dân.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ trên, Chính phủ giao Bộ Tư pháp tiến hành dự thảo Bộ Luật Thi hành án. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện cụ thể của đất nước Quốc hội đã tách thành hai Luật riêng lẻ: Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án hình sự năm 2010. Riêng việc thi hành án các bản án hành chính được quy định trong Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

Sau gần 10 năm thi hành, LTHADS đã có nhiều tác động tích cực và hiệu quả đối với đời sống kinh tế - xã hội và đời sống chính trị của đất nước. Đã tạo được hành lang pháp lý cơ bản, bảo đảm cho công tác thi hành án dân sự tiến hành có

hiệu quả. Hệ thống tổ chức THADS được thành lập phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và tính chất đặc thù của THADS với mô hình: *Tổng Cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện trực thuộc Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh. Việc tổ chức hệ thống thi hành án dân sự theo ngành dọc đã tăng cường vị thế cơ quan thi hành án dân sự, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời tạo điều kiện cho việc quản lý, chỉ đạo chuyên ngành thống nhất từ Trung ương đến địa phương cấp huyện, nhưng không xa rời sự lãnh, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương với công tác thi hành án dân sự.*

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong thi hành án dân sự vẫn còn những bất cập chưa được giải quyết kịp thời như: Hệ thống văn bản pháp luật nói chung và các văn bản pháp luật thi hành án dân sự nói riêng vẫn còn nhiều khoảng trống, chưa điều chỉnh hết các quan hệ phức tạp nảy sinh trong thực tiễn THADS; công tác quản lý Nhà nước về THADS còn nhiều bất cập, chưa phù hợp và không phát huy được hiệu quả, đặc biệt là trong công tác quản lý về CCTHADS còn nhiều hạn chế, thiếu sót gây hậu quả nghiêm trọng. Do đó, đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả của thi hành án dân sự. Nhiều Bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng không được tổ chức thi hành dứt điểm, đặc biệt, tình trạng vi phạm pháp luật trong tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự vẫn diễn ra nhiều. Từ những phân tích trên cho thấy công tác quản lý về cưỡng chế thi hành án dân sự có vị trí, vai trò hết sức quan trọng, là mối quan tâm của dư luận và toàn xã hội.

Với những lý do trên, người viết quyết định chọn đề tài “Quản lý Nhà nước về cưỡng chế Thi hành án dân sự - từ thực tiễn tỉnh Cà Mau” làm luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trước tháng 7 năm 1993, hoạt động thi hành án dân sự chưa được nghiên cứu nhiều, chỉ có rất ít những công trình khoa học hay các bài nghiên cứu của các nhà khoa học đề cập đến vấn đề này. Chỉ sau khi công tác THADS chuyển giao cho Chính phủ thống nhất quản lý, nhất là trong tiến trình cải cách tư pháp, thực tiễn đòi

hỏi cần phải giải quyết, thì các vấn đề liên quan đến công tác THADS mới được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu một cách toàn diện. Trong các công trình nghiên cứu về lĩnh vực thi hành án phải kể đến:

- Đề tài cấp NN: “Luận cứ khoa học và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức hoạt động THA ở Việt Nam trong giai đoạn mới” do Bộ Tư pháp chủ trì, 1998 [9].

- Đề tài: “THADS, thực trạng và hướng hoàn thiện của dự án VIE/98/001” do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện dự án, năm 2009 [10].

- Đề tài nghiên cứu cấp Bộ: “Mô hình quản lý thống nhất công tác thi hành án”, mã số 96-98-027/ĐT do Cục THADS và BTP chủ trì thực hiện năm 2010 [33].

- Đề tài nghiên cứu cấp Bộ năm 2010: “Kiện toàn mô hình tổ chức và đội ngũ cán bộ THA để thực hiện có hiệu quả LTHA năm 2008”, do PGS.TS Nguyễn Văn Luyện làm chủ nhiệm đề tài [53].

- Đề án nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Những cơ sở lý luận và thực tiễn về chế định TPL”, mã số 95-98-114/ĐT do Viện nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ tư pháp và Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện, 2010 [96].

- Đề án số: 02/ĐA-UBND ngày 01/11/2016 của UBND tỉnh Cà Mau: “Đề án thực hiện chế định thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2020”[88].

- Luận án Tiến sĩ của nghiên cứu sinh Nguyễn Thanh Thủy với đề tài “Hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay”, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2008 [76].

- Luận án Tiến sĩ của nghiên cứu sinh Nguyễn Quang Thái với đề tài “Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay”, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2008 [72].

- Luận văn thạc sĩ luật học: "Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện" của tác giả Nguyễn Công Long, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2000 [52].

- Luận văn thạc sĩ luật học: “Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự trong quân đội” của tác giả Tăng Đình Năm, Khoa luật trường Đại học quốc gia Hà Nội năm 2006 [59];

- Luận văn thạc sỹ luật của tác giả Nguyễn Trọng Tân “Áp dụng pháp luật trong cưỡng chế thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay”, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2008 [71].

- Luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Phan Thị Thu Hằng “Quản lý nhà nước đối với hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay”, Học viện khoa học xã hội năm 2011 [47].

- Luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Phạm Văn Hữu “ Quản lý nhà nước về thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam”, Học viện khoa học xã hội năm 2011 [48].

- Luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Nguyễn Mạnh Chiến “Thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang”, Học viện khoa học xã hội năm 2012 [34].

- Luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Phạm Huy Ân “Tổ chức và hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi”, Học viện khoa xã hội năm 2012 [1].

- Luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Trần Phi Hùng “Pháp luật về thi hành án dân sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội”, Học viện khoa học xã hội năm 2012 [51].

- Luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Giáp Văn Bền “Quản lý hành chính nhà nước đối với hoạt động thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang”, Học viện khoa học xã hội năm 2013 [21].

- Luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Trần Minh Nam “Tổ chức và hoạt động của Chi cục thi hành án dân sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội”, Học viện khoa học xã hội năm 2013 [60].

Những công trình nêu trên đã có nội dung nghiên cứu về hiệu quả thực hiện pháp luật nói chung và hiệu quả THADS nói riêng ở nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu dưới góc độ lý luận và thực trạng hiệu quả công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế trong THADS, lý giải các nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CCTHADS tại một địa phương cụ thể là tỉnh Cà Mau một cách toàn diện, chuyên sâu và trong điều kiện pháp luật THADS đã có nhiều thay đổi về căn bản như hiện nay.

Để nghiên cứu và thực hiện đề tài “Quản lý Nhà nước về cưỡng chế trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Cà Mau” Tôi đã tham khảo, kế thừa có chọn lọc kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố trên đây.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của đề tài là đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Cà Mau.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu cần phải thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Phân tích cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về cưỡng chế trong THADS nói chung và quản lý nhà nước về cưỡng chế trong THADS từ thực tiễn tỉnh Cà Mau nói riêng.

- Đánh giá đúng đắn, đích thực về thực trạng hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CCTHADS, từ đó đi sâu phân tích những kết quả đã đạt được và những hạn chế, tồn tại trong việc nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự, đặc biệt là khâu công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế trong THADS ở tỉnh Cà Mau và làm rõ nguyên nhân của thực trạng đó.

- Đề xuất giải pháp đảm bảo quản lý nhà nước về CCTHADS từ thực tiễn tỉnh Cà Mau.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về CCTHADS ở tỉnh Cà Mau.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Từ thực tiễn áp dụng pháp luật trong CCTHADS ở tỉnh Cà Mau, luận văn nghiên cứu một cách tổng quát có hệ thống chế định quản lý nhà nước về CCTHADS hiện hành. Trong đó tập trung nghiên cứu phân tích thực trạng về hiệu quả công tác quản lý nhà nước về THADS nói chung và khâu công tác quản

lý nhà nước về CCTHADS nói riêng; những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của nó, để từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp đảm bảo cho việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong CCTHADS trong điều kiện hiện nay ở tỉnh Cà Mau.

Về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn việc quản lý nhà nước về CCTHADS của Cục THADS tỉnh Cà Mau khi thực hiện công tác THADS trong 05 năm (2013-2017) và những văn bản quy phạm pháp luật về THADS nói chung và CCTHADS nói riêng trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2017.

Về không gian: Luận văn nghiên cứu trong khoảng không gian nhất định tại địa bàn tỉnh Cà Mau.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Chương 1 sử dụng phương pháp luận dựa trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật và những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác THADS, về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và những nghiên cứu có liên quan đến áp dụng pháp luật trong công tác quản lý nhà nước về CCTHADS nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và pháp lý về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Chương 2 sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, phân tích và tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa, thống kê kết hợp với khảo sát thực tế nhằm làm rõ thực trạng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau.

Chương 3 sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa lý luận và thực tiễn nhằm đưa ra những định hướng và giải pháp bảo đảm quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn luận văn

Về lý luận, luận văn góp phần bổ sung, làm rõ lý luận về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, cụ thể:

- Đưa ra và luận giải được một số quan điểm cơ bản về khái niệm quản lý nhà nước về cưỡng chế THADS; các yếu tố cấu thành quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự; yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý trong quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

- Luận văn đánh giá, phân tích đúng thực trạng hiệu quả việc quản lý nhà nước về cưỡng chế trong THADS và đưa ra những định hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng khâu công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế trong THADS ở tỉnh Cà Mau.

Về thực tiễn, các đề xuất của luận văn có thể ứng dụng vào thực tiễn đề xuất định hướng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo đảm, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân trong quá trình tổ chức CCTHADS; cải cách phương thức, thủ tục trong quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự theo hướng minh bạch, phục vụ, kiểm soát hiệu quả đối với công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự và đưa ra những giải pháp bảo đảm quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự tại tỉnh Cà Mau có hiệu quả. Học viên hy vọng kết quả nghiên cứu luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích dành cho các cán bộ, CHV đang công tác tại các Cơ quan THADS, các cán bộ, Kiểm sát viên VKSND thực hiện công tác kiểm sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý nhà nước về CCTHADS được khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật.

7. Cơ cấu của luận văn

Nội dung của Đề tài được trình bày theo bố cục như sau:

Lời nói đầu

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp lý của quản lý nhà nước về cưỡng chế Thi hành án dân sự

Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

Chương 3. Định hướng, giải pháp bảo đảm quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự - từ thực tiễn tỉnh Cà Mau

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1.1. Khái quát chung về cưỡng chế Thi hành án dân sự

1.1.1. Khái niệm cưỡng chế Thi hành án dân sự

Để bảo đảm thực thi pháp luật mà mình ban hành ra, bất kỳ nhà nước nào cũng sử dụng sức mạnh cưỡng chế. “Cưỡng chế” là khái niệm thuộc phạm trù Nhà nước và Pháp luật, là hiện tượng gắn liền với nhà nước. Về thuật ngữ, hiểu theo nghĩa rộng, trong cuốn Đại từ điển Tiếng Việt của Trung tâm ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam do Nxb Văn hoá - Thông tin ấn hành 1998 nêu rõ: “cưỡng chế là bắt phải tuân theo bằng sức mạnh quyền lực” [77]. Còn theo cuốn Từ điển Bách khoa Việt Nam tập 1 xuất bản năm 1995, thì khái niệm cưỡng chế là “dùng quyền lực nhà nước để bắt buộc người khác thực hiện những việc làm trái với ý muốn của họ. Cưỡng chế là một trong những phương pháp chủ yếu của hoạt động quản lý nhà nước” [78]; Theo cuốn Từ điển Luật học do Nxb Từ điển Bách khoa Hà Nội xuất bản năm 1999 thì khái niệm cưỡng chế là “những biện pháp bắt buộc cá nhân hay tổ chức phải thực hiện và phục tùng một mệnh lệnh nhất định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do nhà nước quy định” [79]. Như vậy, cưỡng chế là một phương thức sử dụng và bảo đảm cho quyền lực nhà nước. Tùy từng chế độ chính trị và điều kiện phát triển của kinh tế - xã hội cụ thể, mà ở từng nhà nước khác nhau, phương pháp cưỡng chế được sử dụng ở các phạm vi, mức độ và cách thức khác nhau. Ngoài ra, các hình thức và các biện pháp cũng được sử dụng tùy từng quan hệ xã hội mà pháp luật điều chỉnh. Nhưng nhìn chung bất cứ lĩnh vực nào mà pháp luật điều chỉnh cũng đều cần sử dụng các biện pháp cưỡng chế bảo đảm thi hành. Trong hoạt động tư pháp, để bảo đảm tính hiệu lực của các bản án, quyết định nhà nước phải định ra các biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc bảo đảm cho việc thi hành. Thực ra khi Toà án ra bản án, quyết định thì bản thân sự phán quyết đó đã thể hiện quyền lực đặc biệt của nhà nước, thể hiện sự cưỡng chế của nhà nước. Chính vì vậy ở khía cạnh nào đó, nói đến thi hành án cũng có nghĩa là nói đến cưỡng chế.

Theo quyết định của Toà án, người bị kết án phải chịu một hình phạt nhất định, hoặc một cá nhân, cơ quan, tổ chức nào đó phải gánh chịu một nghĩa vụ tài sản hay thực hiện một công việc vì lợi ích của người khác. Các chế tài này hiển nhiên là hoàn toàn trái với ý muốn của những người đó. Khó có thể hy vọng vào sự tự “trừng phạt” hoặc sự tự nguyện tuyệt đối của người phải thi hành án. Việc pháp luật quy định các biện pháp nhằm bảo đảm việc thực thi các bản án, quyết định của Toà án là tất yếu; Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật có được thi hành nghiêm chỉnh, dứt điểm hay không; kỷ cương pháp luật có được tôn trọng, lợi ích hợp pháp của nhà nước, của tập thể, của các tổ chức xã hội và mọi công dân có được bảo đảm hay không phụ thuộc nhiều vào kết quả thi hành án; trong thi hành án dân sự các bên đương sự có quyền tự định đoạt, thoả thuận với nhau nhằm thực hiện các quyền, nghĩa vụ dân sự theo bản án, quyết định của Tòa án. Tự nguyện thi hành án đã trở thành một nguyên tắc, biện pháp quan trọng được Đảng và Nhà nước ta tập trung chỉ đạo tăng cường thường xuyên trong mọi giai đoạn xây dựng và phát triển đất nước. Làm tốt công tác động viên tự nguyện thi hành án một mặt giúp các cơ quan thi hành án dân sự đạt được số vụ việc thi hành xong mà không phải tốn kém kinh phí của ngân sách Nhà nước, không cần phải huy động lực lượng và các nguồn lực khác để tổ chức cưỡng chế; tự nguyện thi hành án tốt giúp giải tỏa mâu thuẫn, củng cố tình làng, nghĩa xóm, thắt chặt tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân.

Giải thích, thuyết phục để các bên tự nguyện thi hành án dân sự là nhiệm vụ của chấp hành viên, của cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình tổ chức thi hành án; Còn thuyết phục trong thi hành án dân sự bắt nguồn từ việc các bên đương sự có quyền tự nguyện thực hiện các quyền, nghĩa vụ dân sự đã được bản án, quyết định ghi nhận, thể hiện ý chí của các bên đương sự nhằm thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Tuy vậy, khi người phải thi hành án đã được giải thích, thuyết phục, mặc dù có điều kiện thi hành án mà tìm mọi cách trì hoãn, trốn tránh để không tự nguyện thi hành, thì buộc cơ quan thi hành án dân sự phải tổ chức cưỡng chế thi hành án. Cưỡng chế thi hành án thể hiện quyền năng của cơ quan thi hành án, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo bản án, quyết định được thi hành nghiêm chỉnh, đúng pháp luật.

Cưỡng chế nhà nước là dùng quyền lực nhà nước bắt buộc cá nhân, tổ chức thực hiện hoặc không thực hiện một công việc nhất định trái với ý muốn của họ. Cưỡng chế gắn liền với hoạt động quản lý nhà nước và là phương pháp thường xuyên được áp dụng trong quản lý nhà nước. Cưỡng chế nhà nước có nhiều lĩnh vực như: Cưỡng chế hành chính, hình sự, dân sự, thi hành án dân sự ... Tuy Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) không định nghĩa cưỡng chế trong thi hành án dân sự nhưng tại khoản 2 Điều 9 lại quy định: “người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật này”[68]. Theo đó, người phải thi hành án sẽ phải tự nguyện thi hành án khi có điều kiện, nếu không thực hiện thì người có thẩm quyền thi hành án tiến hành cưỡng chế. Theo pháp luật hiện hành thì người có thẩm quyền trực tiếp thi hành án và áp dụng biện pháp cưỡng chế bao gồm chấp hành viên và thừa phát lại (sau đây gọi chung là người có thẩm quyền thi hành án).

Nói tóm lại cưỡng chế thi hành án dân sự là việc chủ thể có thẩm quyền dùng quyền lực nhà nước thực hiện biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự đối với tổ chức, cá nhân nhằm bảo đảm thi hành trên thực tế quyền, nghĩa vụ đã được xác định trong bản án, quyết định được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự. Cưỡng chế thi hành án dân sự có thể được xem xét dưới góc độ là một quan hệ pháp luật, một chế định pháp luật hoặc một hoạt động áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

1.1.2. Điều kiện cưỡng chế Thi hành án dân sự

Để áp dụng được biện pháp cưỡng chế thi hành án, cần phải hội đủ các điều kiện sau đây: Người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản hoặc phải thực hiện hành vi theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh; Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án.

Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự chỉ được áp dụng khi người phải thi hành án có nghĩa vụ và hành vi phải thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, nhất là có thái độ và hành vi không tự nguyện thi hành án khi người phải thi

hành án có điều kiện thi hành án. Theo khoản 6, Điều 3 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, có điều kiện thi hành án là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án [68].

1.1.3. Nguyên tắc cưỡng chế Thi hành án dân sự

Cưỡng chế thi hành án dân sự là một biện pháp nghiêm khắc nhất, do đó, chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án không được áp dụng một cách tùy tiện mà phải tuân thủ những nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc đó là:

1.1.3.1. Chỉ người có thẩm quyền thi hành án mới có quyền áp dụng biện pháp thi hành án dân sự

Theo PL hiện hành thì chỉ có cơ quan thi hành án dân sự và Văn phòng thừa phát lại mới được nhà nước trao cho quyền tổ chức thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền và chỉ người có thẩm quyền thi hành án mới có quyền quyết định biện pháp cưỡng chế. Ngoài ra các chủ thể khác, bằng sức mạnh của mình, bắt buộc người khác phải thi hành án đều trái pháp luật.

1.1.3.2. Chỉ áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự khi hết thời gian tự nguyện thi hành trừ trường hợp áp dụng cưỡng chế ngay

Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế. Tuy nhiên, để đảm bảo công tác thi hành án thật sự hiệu quả, với mục đích ngăn chặn những hành vi tẩu tán tài sản, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của đương sự trong thời gian tự nguyện thi hành án thì chủ thể có thẩm quyền vẫn được áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án được quy định tại chương IV Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) [68].

1.1.3.3. Không được cưỡng chế thi hành án trong thời gian mà pháp luật quy định không được cưỡng chế thi hành án

Xuất phát từ mục đích nhân đạo đối với người phải thi hành án, pháp luật quy định không tổ chức cưỡng chế trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày

hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt như 15 ngày trước và sau tết nguyên đán, các ngày truyền thống của các đối tượng chính sách [22].

1.1.3.4. Chỉ được áp dụng 06 biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự được quy định theo pháp luật

Để tránh sự lạm quyền của các chủ thể trong việc cưỡng chế thi hành án dân sự, pháp luật quy định người có thẩm quyền thi hành án chỉ có thể áp dụng trong 06 biện pháp cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết. Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì người có thẩm quyền thi hành án vẫn có quyền áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế để thi hành án.

1.1.3.5. Khi áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự phải đảm bảo và tôn trọng quyền con người, quyền công dân và tính nhân đạo

Thi hành án dân sự là hoạt động liên quan trực tiếp đến quyền con người đã được Hiến pháp quy định. Vì vậy, chỉ trong trường hợp cần thiết mới áp dụng các biện pháp cưỡng chế, còn lại cần tôn trọng sự tự nguyện và thỏa thuận của các bên tham gia vào quan hệ pháp luật trong thi hành án dân sự; đảm bảo mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật; khi áp dụng biện pháp cưỡng chế, kê biên để thi hành án, pháp luật chỉ cho phép kê biên những tài sản đủ để thi hành án và thanh toán chi phí về việc thi hành án chứ không kê biên tất cả tài sản của người phải thi hành án. Đồng thời, khi kê biên tài sản, chấp hành viên không được kê biên những thứ cần thiết tối thiểu cho cuộc sống và của gia đình người phải thi hành án. Yêu cầu đặt ra đối với Cán bộ, Chấp hành viên trong công tác tiếp dân, tiếp đương sự tham gia giải quyết liên quan đến thi hành án dân sự cần có sự mẫu mực, công tâm khách quan, tôn trọng đúng mức; cần có sự bảo vệ và tôn trọng tuyệt đối các quyền công dân, quyền con người, các lợi ích hợp pháp, chính đáng của mọi người khi tham gia vào các công việc liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự.

1.1.3.6. Việc tổ chức cưỡng chế phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết khác

Chấp hành viên phải ước tính giá trị tài sản để làm cơ sở cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia sẽ làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án (khoản 1, Điều 13 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ) [22].

1.1.3.7. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào bản án, quyết định và từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể

Nguyên tắc này đòi hỏi rất cao về mặt chuyên môn nghiệp vụ của Chấp hành viên, bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức Chấp hành viên. Vì việc tổ chức cưỡng chế thi hành án có thuận lợi hay không, an toàn hay không và có ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn xảy ra việc cưỡng chế hay không tùy thuộc vào việc có áp dụng thống nhất nguyên tắc này trên thực tế của Chấp hành viên.

1.2. Quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về cưỡng chế Thi hành án dân sự

Quản lý xã hội nói chung là quá trình tổ chức điều hành các hoạt động nhằm đạt được những mục tiêu và yêu cầu nhất định dựa trên những quy luật khách quan [37].

Bản chất của quản lý nhà nước là quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước được ghi nhận, củng cố bằng pháp luật và được thực hiện bởi bộ máy nhà nước với cơ sở vật chất tài chính to lớn, bằng phương pháp thuyết phục và cưỡng chế.

Quản lý nhà nước hiểu theo nghĩa rộng là toàn bộ mọi hoạt động của nhà nước nói chung, mọi hoạt động mang tính chất nhà nước, nhằm thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của nhà nước.[37]

Quản lý nhà nước theo nghĩa hẹp là hoạt động quản lý do một loại cơ quan đặc biệt thực hiện mà Hiến pháp và pháp luật nước ta gọi là các cơ quan hành chính

nhà nước, còn gọi là hoạt động chấp hành và điều hành nhà nước, hay thường gọi đơn giản là hoạt động chấp hành và điều hành.[37]

Thi hành án dân sự với tính cách là hoạt động mang tính chất hành chính – tư pháp, trong quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay và các quyết định của trọng tài thương mại, cơ quan thi hành án, trực tiếp là cá nhân Chấp hành viên, thay mặt nhà nước sử dụng quyền lực nhà nước để tổ chức thi hành bản án, quyết định đó, cũng cần phải có sự quản lý chặt chẽ để đảm bảo cho quyền lực đó được sử dụng một cách có hiệu quả nhất.

Từ khái niệm thi hành án dân sự, khái niệm về quản lý nhà nước nêu trên, có thể hiểu quản lý nhà nước trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành án dân sự là một bộ phận của quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính – tư pháp. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành án dân sự là thông qua hoạt động tổ chức, điều hành của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được nhà nước giao quyền nhằm tổ chức và phối hợp những cố gắng chung của toàn xã hội để giải quyết những nhiệm vụ của công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, mà cụ thể là đảm bảo các yếu tố vật chất, tinh thần, pháp lý... cho hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự đem lại hiệu quả cao nhất góp phần hoàn thiện cải cách nền hành chính nhà nước trong tình hình hiện nay.

Quá trình quản lý nhà nước trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành án dân sự là chấp hành luật pháp, ban hành các văn bản, cụ thể hóa các quy định pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự; tổ chức điều hành để đưa các văn bản, cụ thể hóa các quy định pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự; tổ chức điều hành để đưa các văn bản quy phạm pháp luật đó vào thực tiễn cưỡng chế thi hành án dân sự; tổ chức bộ máy thi hành án; đào tạo quản lý nguồn nhân lực phục vụ hoạt động cưỡng chế thi hành án; tiến hành kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự và cưỡng chế thi hành án dân sự; kịp thời uốn nắn và xử lý các vi phạm trong hoạt động cưỡng chế thi hành án dân sự; bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện cho

hoạt động cưỡng chế thi hành án dân sự...[37] nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực cưỡng chế nhằm bảo đảm cho mọi bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật được thi hành nhanh chóng, đầy đủ, nghiêm minh và đúng pháp luật.

Như vậy, quản lý nhà nước trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành án dân sự là hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền trong việc sử dụng quyền lực nhà nước để xây dựng và sử dụng phương tiện pháp luật trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành án dân sự.

Trên mọi ý nghĩa cụ thể có thể hiểu, quản lý nhà nước trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành án dân sự là một bộ phận của quản lý về thi hành án dân sự và quản lý hành chính – tư pháp, do những cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự để hiện thực hóa các quyền, nghĩa vụ trong bản án, quyết định trên thực tế, góp phần nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa và đảm bảo sự ổn định trật tự, an toàn xã hội; tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội... của đất nước trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2.2. Các yếu tố cấu thành quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

1.2.2.1. Chủ thể có thẩm quyền quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Trong quá trình tổ chức thi hành án cũng như cưỡng chế thi hành án dân sự phải chịu sự quản lý của các cơ quan hành chính và các cơ quan tư pháp. Có thể thấy rằng, chủ thể quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự rất đa dạng.

Thứ nhất, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp: theo quy định tại Điều 2 và Điều 6 Hiến pháp năm 2013 và Điều 1 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, thì tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Quốc hội thực hiện quyền giám

sát tối cao của mình tại kỳ họp Quốc hội trên cơ sở hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu quốc hội và Đại biểu quốc hội. Đồng thời, theo quy định tại Điều 1 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, thì Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương, trong đó có thi hành án dân sự. Như vậy, cưỡng chế thi hành án dân sự cũng phải chịu sự quản lý, giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Thứ hai, Chính phủ: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước. Cụ thể: chỉ đạo cơ quan của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thi hành án dân sự, đặc biệt trong công tác cưỡng chế thi hành án dân sự và định kỳ hàng năm báo cáo Quốc hội về công tác thi hành án dân sự.

Thứ ba, Bộ Tư pháp: Với tư cách là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ và quyền hạn: Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự nói chung, cưỡng chế thi hành án dân sự nói riêng. Xây dựng và thực hiện chính sách, kế hoạch về thi hành án dân sự, phổ biến, giáo dục pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự. Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự; đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm chấp hành viên là người trực tiếp thi hành Bản án, quyết định của tòa án, cưỡng chế thi hành án; hướng dẫn, chỉ đạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CHV. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong công tác cưỡng chế THADS; giải quyết khiếu nại, tố cáo về THADS; Quyết định phân bổ kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị,

phương tiện hoạt động nhằm phục vụ cho việc CCTHADS. Báo cáo với Chính phủ về công tác cưỡng chế THADS.

Thứ tư, Bộ Quốc phòng: Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về cưỡng chế THADS; bổ nhiệm, miễn nhiệm CHV, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CHV về công tác cưỡng chế THADS

Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại về CCTHADS; quản lý, lập kế hoạch phân bổ kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho hoạt động CCTHADS trong quân đội.

Tư lệnh quân khu và tương đương trong quân đội có nhiệm vụ chỉ đạo phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quân khu và tương đương theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan THA cấp quân khu và tương đương.

Thứ năm, Ủy ban nhân dân các cấp: Theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, thì UBND các cấp tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và Nghị quyết của HĐND cùng cấp; tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật ở địa phương; chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo vệ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích khác của công dân;... tổ chức, chỉ đạo công tác thi hành án ở địa phương theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

UBND cấp tỉnh chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong THADS trên địa bàn. Chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan THADS cấp tỉnh. Yêu cầu cơ quan THADS cấp tỉnh kiểm tra công tác CCTHADS ở địa phương.

UBND cấp huyện chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong THADS trên địa bàn. Chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan THADS cấp huyện. Yêu cầu cơ quan THADS cấp huyện kiểm tra công tác CCTHADS ở địa phương.

Thứ sáu, Tổng cục THADS: Tổng cục THADS là cơ quan quản lý nhà nước về CCTHADS trực thuộc Bộ Tư pháp, thực hiện quản lý chuyên ngành về công tác THADS theo quy định của pháp luật trong đó có công tác CCTHADS.

Tổng cục Thi hành án dân sự là cơ quan trực thuộc Bộ Tư pháp, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý về công tác THADS trong phạm vi cả nước nói chung và quản lý về công tác cưỡng chế THADS nói riêng; thực hiện quản lý chuyên ngành về THADS theo quy định của pháp luật.

Trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định: Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; dự thảo Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ về THADS; Chiến lược, chương trình quốc gia, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm, dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, dự thảo báo cáo Quốc hội, báo cáo Chính phủ về THADS. Trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định hoặc ban hành: Thông tư, Quyết định, Chỉ thị về THADS; ...

Tổ chức thực hiện văn bản pháp luật, chiến lược, chương trình, quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về THADS sau khi được phê duyệt, ban hành. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về THADS, văn bản cá biệt, văn bản quy phạm nội bộ theo quy định của pháp luật. Tổ chức kiểm tra: việc thực hiện trình tự, thủ tục và áp dụng pháp luật trong hoạt động THADS nói chung và hoạt động CCTHADS nói riêng; chế độ báo cáo thống kê về THADS, trong đó có CCTHADS, việc thu và chi phí cưỡng chế THADS...

Giải quyết khiếu nại về THADS thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về THADS. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực THADS. Thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hệ thống cơ quan THADS theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tư pháp...

Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra về THADS và xử lý hành vi không chấp hành án theo quy định pháp luật.

Quản lý tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức của các cơ quan THADS theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Thứ bảy, Viện kiểm sát nhân dân: Theo quy định tại Điều 2 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thi hành án dân sự là hoạt động có tính chất hành chính – tư pháp, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân cũng là chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS. Viện kiểm sát nhân dân giám sát hoạt động CCTHADS thông qua việc thực hiện chức năng kiểm sát THADS. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan THA, CHV, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm các bản án, quyết định đó được thi hành đúng pháp luật, quá trình CCTHADS được thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ, kịp thời và đúng pháp luật [64]. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân cũng là chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS.

1.2.2.2. Đối tượng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS cũng chính là đối tượng quản lý NN về THADS. Như vậy, đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS là những cơ quan, tổ chức và cá nhân mà hoạt động của họ có liên quan đến hoạt động CCTHADS và tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được THA, người phải THA và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến CCTHADS và chịu sự quản lý của chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc thù của THADS là có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân khác nhau. Vì vậy cũng như chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS, cần phải xác định những đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS cơ bản, chủ yếu nhất, từ đó làm rõ mối quan hệ giữa chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS với đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS, làm rõ các quyền và nghĩa vụ của các bên trong quản lý nhà nước về CCTHADS. Để xác định đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS cần căn cứ một số vấn đề sau:

Một là, căn cứ vào vai trò của đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS trong việc tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của trọng tài thương mại.

Vai trò của đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS trong việc tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án và trọng tài thương mại có ảnh hưởng rất lớn đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được THA, người phải THA và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối tượng nào có vai trò càng lớn bao nhiêu trong quá trình CCTHADS thì mức độ ảnh hưởng của đối tượng đó đối với hoạt động CCTHADS càng nhiều, ngược lại đối với đối tượng nào có vai trò ít quan trọng hơn trong THADS, thì ảnh hưởng của các hoạt động của những đối tượng này đối với quản lý nhà nước về CCTHADS ít hơn. Chính vì vậy, vai trò càng lớn, mức độ quản lý cần phải cao để đảm bảo cho hoạt động của đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS thực hiện đúng chuẩn mực đã được quy định trong pháp luật, tránh sự lạm dụng quyền lực, sự nhũng nhiễu và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật trong CCTHADS.

Hai là, căn cứ vào mối quan hệ giữa chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS và đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS.

THADS là một hoạt động đặc thù, trong quá trình tổ chức THA cũng như tổ chức CCTHA có rất nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào việc THA cũng như CCTHA, nên đã làm xuất hiện nhiều mối quan hệ giữa cơ quan THA với các cơ quan đó. Tùy thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức này mà sự tham gia của họ vào quá trình CCTHADS, cũng như mối quan hệ của họ với cơ quan THA ở các mức độ khác nhau. Do đó, việc xác định đối tượng của quản lý nhà nước về CCTHADS cũng rất khó khăn và chỉ mang tính tương đối. Trong nhiều trường hợp một cơ quan, tổ chức nào đó có thể vừa là chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS, nhưng đồng thời lại vừa là đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS và điều này xác định tùy thuộc vào các mối quan hệ cụ thể giữa đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS và chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS.

Ba là, căn cứ vào các quy định của pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan tổ chức trong quá trình THADS cũng như quá trình CCTHADS.

Các quy định của pháp luật là chủ thể hóa và quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức trong quá trình THADS. Căn cứ vào các quy

định của pháp luật để xác định vị trí, vai trò, quan hệ của từng cơ quan, tổ chức khi tham gia vào quá trình CCTHADS, từ đó xác định đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS.

Tóm lại, căn cứ vào tính chất của hoạt động THADS, CCTHADS, hoạt động quản lý nhà nước về CCTHADS; căn cứ vào vai trò của đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS và quá trình tham gia vào hoạt động CCTHADS và mối quan hệ giữa chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS với đối tượng cần kiểm tra, theo dõi, tác động trong quá trình CCTHADS; các quy định của pháp luật có liên quan để xác định một số đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS cơ bản.

Cụ thể các loại đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS:

Thứ nhất, cơ quan THADS được quy định tại Điều 13 Luật THADS, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì cơ quan THADS bao gồm: Cơ quan THADS tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan THADS huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; cơ quan THA quân khu và tương đương [68].

Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thi hành án dân sự cấp huyện, Thi hành án cấp quân khu và tương đương chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của trọng tài thương mại; giải quyết khiếu nại về THA; tổng kết thực tiễn THADS, thực hiện chế độ báo cáo thống kê THA. Ngoài ra THADS cấp tỉnh còn chỉ đạo hoạt động THADS đối với THADS cấp huyện; hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án dân sự cho CHV, công chức khác của các cơ quan THADS địa phương trên địa bàn [68].

Như vậy, cơ quan THADS là trung tâm của quá trình thi hành bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của trọng tài thương mại, chịu trách nhiệm chính về việc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động THADS. Do đó, hoạt động của cơ quan THADS có ảnh hưởng lớn đến quyền, lợi ích của các bên đương sự, nên cơ quan THADS phải chịu sự quản lý nhà nước về CCTHADS và trở thành đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS.

Thứ hai, Thủ trưởng và CHV cơ quan THADS

Thủ trưởng cơ quan THA là người lãnh đạo cao nhất của cơ quan THADS, được bổ nhiệm từ CHV cơ quan THADS. Thủ trưởng cơ quan THA có nhiệm vụ,

quyền hạn: 1. Ra quyết định về THA theo thẩm quyền; 2. Quản lý, chỉ đạo hoạt động THADS của cơ quan THADS; 3. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp tổ chức THA; 4. Yêu cầu cơ quan đã ra bản án, quyết định giải thích bằng văn bản những điểm chưa rõ hoặc không phù hợp với thực tế trong bản án, quyết định đó để thi hành; 5. Kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giá đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với bản án, quyết định theo quy định của pháp luật; 6. Trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo về THA, xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm; 7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của CHV; 8. Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo, thống kê THA; 8. Thủ trưởng cơ quan THADS cấp tỉnh có quyền điều động, hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo, kiểm tra công tác THA đối với CHV, công chức cơ quan THADS cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn và những việc khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan quản lý THADS và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc được giao [68].

CHV là người được Nhà nước giao trách nhiệm tổ chức thi hành bản án, quyết định dân sự và quyết định của trọng tài thương mại. Trong quá trình tổ chức THA, CHV có nhiệm vụ, quyền hạn sau: 1. Kịp thời tổ chức thi hành vụ việc được phân công; ra các quyết định về thi hành án theo thẩm quyền, 2. Thi hành đúng nội dung bản án, quyết định, áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục THA, bảo đảm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi liên quan; thực hiện nghiêm chỉnh chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của CHV, 3. Triệu tập đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết việc THA. 4. Xác minh tài sản, điều kiện THA của người phải THA; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh địa chỉ, tài sản của người phải THA hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác liên quan đến THA. 5. Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm THA, biện pháp CCTHA; lập kế hoạch CCTHA; thu giữ tài sản THA. 6. Yêu cầu cơ quan công an tạm giữ người chống đối việc THA theo quy định của

pháp luật. 7. Lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật về THA; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm. 8. Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế để thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định của pháp luật, thu phí THA và các khoản phải nộp khác. 9. Được sử dụng công cụ hỗ trợ trong thi hành công vụ theo quy định của Chính phủ. 10. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của thủ trưởng cơ quan THADS [68].

Qua các quy định trên có thể thấy rằng hầu hết các hoạt động của thủ trưởng và CHV cơ quan THADS đều trực tiếp liên quan đến quyền lợi của người được THA, người phải THA. Đồng thời, hoạt động của CHV cơ quan THA còn có ý nghĩa trong việc bảo vệ trật tự pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN. Nếu như hoạt động của cơ quan THADS là trung tâm của THADS, thì có thể nói hoạt động của CHV là hạt nhân, vì hoạt động của CHV tạo nên sức mạnh, uy tín của cơ quan THADS. Cơ quan THA mạnh hay yếu, hoạt động có hiệu quả hay không có hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và của nhà nước đến mức độ nào phụ thuộc phần lớn vào hoạt động của CHV. Chính vì vậy, hoạt động của thủ trưởng và CHV cơ quan THADS cũng cần được đặt dưới sự quản lý của nhà nước về CCTHADS và trở thành đối tượng quản lý quan trọng nhất về CCTHADS.

Thứ ba, Viện kiểm sát nhân dân

Điều 2 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân quy định Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất [64]. Do đó, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của đương sự, cơ quan THA, CHV, cơ quan nhà nước khác, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn

vị vũ trang nhân dân và cá nhân có liên quan đến việc THA, nhằm bảo đảm việc THA kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật.

Để thực hiện chức năng của mình, pháp luật quy định cho Viện kiểm sát nhân dân những quyền hạn nhất định, thì khi thực hiện những quyền năng đó, thì Viện kiểm sát đã tác động trực tiếp đến quá trình THA. Như vậy, khi thực hiện chức năng kiểm sát THADS, thì ngoài việc trở thành chủ thể giám sát THADS, Viện kiểm sát nhân dân với tư cách là người thực hiện quyền lực nhà nước và đảm bảo cho quyền lực nhà nước được thực hiện, cũng trở thành đối tượng giám sát THADS.

Thứ tư, Chủ tịch UBND các cấp: Chủ tịch UBND các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc thi hành án ở địa phương.

Như vậy, có thể thấy ở giác độ này hay giác độ khác, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động THADS mà vai trò của họ được thể hiện trong quá trình THADS là nhiều hay ít và ở mức độ này hay mức độ khác đều có thể là đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS

Ngoài ra, người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh nội dung bản án, quyết định của Tòa án và quyết định thi hành án, các quyết định khác của cơ quan THA và CHV để đảm bảo cho bản án được thực thi đúng pháp luật, đạt hiệu quả cao. Nếu xem xét về trách nhiệm của họ đối với THADS, thì họ cũng phải là đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS. Tuy nhiên, với tư cách họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ chịu sự tác động trực tiếp của hoạt động THADS và là đối tượng chính cần được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp trong CCTHADS.

1.2.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

- Xây dựng, ban hành pháp luật về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến công tác THADS, điều này được thể hiện trong tất cả các Nghị quyết, Văn kiện Đại hội Đảng các cấp, các kỳ Đại hội. Quan điểm nhất quán này được khẳng định cụ thể trong

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 [6], Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, của Tòa án nhân dân Tối cao và công tác thi hành án năm 2013 [62], Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo. Bảo đảm các Bản án được thi hành trên thực tế là nội dung quan trọng trong công tác thi hành án dân sự, nên cũng được Đảng và NN quan tâm sâu sắc, điều này đã được thể hiện cụ thể bằng việc ban hành: Chỉ thị số 21/2008/CT-TTg ngày 01/7/2008 về việc tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác THADS [85]; Hội nghị toàn quốc triển khai công tác tư pháp năm 2013 do Chính phủ chủ trì với sự tham gia của lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xác định công tác THADS là 1 trong 10 nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp năm 2013.

Để góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội, Bộ Tư pháp tập trung chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện một số đề án sau đây: Đề án về đổi mới cơ chế tuyển chọn, thu hút và đổi mới chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác THADS; tiếp tục triển khai thực hiện đề án cơ cấu, tổ chức xác định vị trí công tác trong hệ thống THADS giai đoạn 2012 – 2015; Đề án nghiên cứu tổ chức, hoạt động của cơ quan THADS cấp huyện trong điều kiện thành lập tòa án sơ thẩm khu vực; Đề án thực trạng và giải pháp phòng, chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp do Bộ Tư pháp quản lý.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các văn bản về THADS, nhất là văn bản liên quan trực tiếp đến chuyên môn nghiệp vụ THADS.

Luật THADS năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ; Thông tư Liên tịch số 05/2016/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19 tháng 5 năm 2016 quy định hoạt động của Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự; Thông tư số

03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an quy định cụ thể về phối hợp bảo vệ cưỡng chế trong THADS.

- Thực hiện pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Theo Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật của Đại học Luật Hà Nội thì *“thực hiện pháp luật là hoạt động có mục đích nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật, làm cho chúng đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật”*[38]. Tương tự như vậy, Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật của Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội định nghĩa: *“Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật”*[36].

Mặc dù có những điểm khác nhau nhất định khi đưa ra định nghĩa, song các tác giả, các công trình nghiên cứu nêu trên đều nhận thấy thực hiện pháp luật có các đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản như: (i) *Thực hiện pháp luật là hành vi pháp luật (hành động hoặc không hành động) hợp pháp, nghĩa là hành vi đó hoàn toàn phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của pháp luật;* (ii) *Thực hiện pháp luật phải là hành vi xác định hay xử sự thực tế của con người và* (iii) *Thực hiện pháp luật là xử sự của các chủ thể nhằm hiện thực hóa các quy định pháp luật.* Ngoài ra, trên cơ sở yêu cầu của Nhà nước đối với các chủ thể được thể hiện trong các quy định của pháp luật khá đa dạng nên cách thức thực hiện các quy định đó cũng khác nhau, có thể bằng hành động tích cực, song cũng có thể bằng không hành động của chủ thể.

Trên cơ sở tính chất của hoạt động thực hiện các quy phạm pháp luật, khoa học pháp lý xác định thực hiện pháp luật được tiến hành thông qua 04 hình thức cụ thể là: Tuân thủ pháp luật; thi hành (chấp hành) pháp luật; sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Giữa các hình thức thực hiện pháp luật có sự đan xen, không biệt lập nhau. Các chủ thể thông thường phải cùng đồng thời thực hiện các quy định pháp luật dưới nhiều hình thức khác nhau, trong đó riêng hình thức áp dụng pháp luật được xác định là hoạt động thực hiện pháp luật của chủ thể có thẩm quyền, vừa là hình thức thực hiện pháp luật, vừa là giai đoạn mà chủ thể có thẩm quyền tiến hành tổ chức cho các chủ thể pháp luật khác thực hiện quy định pháp luật.

Thực hiện pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự là quá trình hoạt động có mục đích mà các chủ thể quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự bằng hành vi của mình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Có ba hình thức thực hiện pháp luật bao gồm:

Thi hành pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự: là hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

Sử dụng pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự: là hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

Áp dụng pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự: là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự hoặc nhà chức trách quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự tổ chức cho các chủ thể quản lý nhà nước thực hiện những quy định pháp luật hoặc chính hành vi của mình căn cứ vào những qui định của pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hay chấm dứt một quan hệ pháp luật.

- Bảo vệ pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Bảo vệ pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự là các chủ thể quản lý thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát các đối tượng quản lý nhằm mục đích phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật trong cưỡng chế thi hành án dân sự để kịp thời sửa chữa, khắc phục những vi phạm, đồng thời cũng là biện pháp để ngăn ngừa vi phạm xảy ra. Các chủ thể có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm bảo vệ pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự bao gồm:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền

giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân là giám sát của cơ quan đại diện cho quyền lực của nhân dân.

Theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, thì Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trong đó có hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự và các đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao của mình tại kỳ họp quốc hội trên cơ sở hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội [65].

Trong thi hành án dân sự Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của các cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên thông qua báo cáo hàng năm của Chính phủ; xem xét trả lời chất vấn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của thi hành án dân sự, hoặc có thể thành lập Ủy ban lâm thời để xem xét các vấn đề liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự trong thời gian Quốc hội không họp, xem xét và giải quyết khiếu nại của công dân liên quan đến công tác thi hành án dân sự, thành lập và tổ chức đoàn giám sát đối với thi hành án dân sự [65].

Đại biểu Quốc hội giám sát thi hành án dân sự thông qua chất vấn Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thủ trưởng các cơ quan hữu quan có liên quan đến công tác thi hành án dân sự; giám sát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động thi hành án và giám sát việc thi hành pháp luật về thi hành án dân sự ở địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Đại biểu Quốc hội tự mình tiến hành hoạt động giám sát hoặc tham gia hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội; tham gia đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tại địa phương khi có yêu cầu.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 57 Luật Tổ chức Quốc hội, thì Quốc hội thành lập các Ủy ban của Quốc hội và quy định cho các Ủy ban quyền hạn, nhiệm

vụ cụ thể. Trong đó Ủy ban pháp luật được giao nhiệm vụ giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có hoạt động thi hành án [65]. Như vậy, theo quy định này, thì chỉ có Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban pháp luật Quốc hội và các Đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội mới là chủ thể giám sát thi hành án dân sự.

Khi thực hiện việc giám sát hoạt động thi hành án dân sự, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm: phải đảm bảo công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị giám sát. Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Ủy ban của Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Đại biểu của Quốc hội chịu trách nhiệm về quyết định, yêu cầu, kiến nghị giám sát của mình. Quốc hội xem xét, đánh giá và báo cáo về hoạt động giám sát của mình trước cử tri cả nước.

Để bảo vệ pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự có hiệu quả, các cơ quan quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra phải có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét, tiếp thu kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc. Ngoài ra, Mặt trận Tổ quốc còn thường xuyên tham gia vào các hoạt động của Ban chỉ đạo THADS ở địa phương và tham gia giải quyết những vụ án cụ thể khi có các tổ chức các cuộc họp liên ngành.

Viện kiểm sát cũng là một trong những chủ thể bảo vệ pháp luật về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Viện kiểm sát thông qua các hoạt động kiểm sát trong thi hành án dân sự, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Điều 160 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân nhằm đảm bảo việc thi hành kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát cũng là chủ thể trực tiếp tham gia bảo vệ pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự [64].

Từ những phân tích nêu trên cho thấy công tác bảo vệ pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm và giao cho nhiều chủ thể thực hiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong cưỡng chế thi hành án dân sự.

1.3. Yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý của quản lý nhà nước về cưỡng chế Thi hành án dân sự

Trong quá trình quản lý nhà nước về CCTHADS, nội dung của quản lý nhà nước về CCTHADS là tất cả những việc mà các chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS, đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS cần làm, được làm, không được phép làm và quan hệ giữa chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS với đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS. Nói cách khác, nội dung quản lý nhà nước về CCTHADS chính là những quyền và nghĩa vụ pháp lý và mối quan hệ giữa chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS với đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS.

Hoạt động quản lý nhà nước về CCTHADS với sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, có sự đan xen, “chuyển hóa” lẫn nhau giữa chủ thể và đối tượng, nên nội dung của hoạt động quản lý nhà nước về CCTHADS rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, dựa vào chức năng, quyền hạn của các chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS, đối tượng quản lý nhà nước và mối quan hệ về quyền và nghĩa vụ giữa chủ thể quản lý, thì hoạt động quản lý nhà nước về CCTHADS có hai nội dung chủ yếu sau:

1.3.1. Yêu cầu về tính hợp pháp của quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Hợp pháp tức là đúng pháp luật hay không trái pháp luật. Mọi vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật được coi là có tính hợp pháp khi và chỉ khi nó được thực hiện theo đúng những yêu cầu mà pháp luật đặt ra. Với đó, một quyết định hành chính ra đời khi nó đảm bảo theo đúng những quy định của pháp luật về thẩm quyền chủ thể ban hành, trình tự thủ tục ban hành và không trái với những văn bản pháp lý có hiệu lực cao hơn.

Theo yêu cầu đặt ra trong điều kiện hiện nay, một quyết định QLNN về CCTHADS chỉ có hiệu lực thi hành khi nó hợp pháp, tức là thoả mãn tất cả các yêu cầu sau:

Thứ nhất, quyết định QLNN về CCTHADS được ban hành phải phù hợp với nội dung và mục đích của luật, không trái với hiến pháp, luật và các quy định của cơ quan nhà nước cấp trên.

Thứ hai, quyết định QLNN về CCTHADS được ban hành trong phạm vi thẩm quyền của chủ thể ra quyết định quản lý. Các cơ quan (người có chức vụ) tuyệt đối không được ban hành những quyết định mà pháp luật không cho phép, vượt quá phạm vi quyền hạn được trao, thậm chí không được lẩn tránh và lạm quyền.

Thứ ba, quyết định QLNN về CCTHADS được ban hành phải xuất phát từ chính lợi ích thiết thực của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS chỉ được ban hành quyết định QLNN để giải quyết những vấn đề liên quan một cách khách quan, khoa học, tránh tùy tiện, chủ quan duy ý chí.

Thứ tư, quyết định QLNN về CCTHADS phải bảo đảm trình tự, thủ tục, hình thức theo luật định.

Ngoài yêu cầu về tính hợp pháp nêu trên các chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS cần theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp đối với hoạt động của đối tượng bị quản lý nhà nước về CCTHADS.

Trong quá trình tổ chức THADS cũng như CCTHADS, các cơ quan THADS sử dụng các biện pháp khác nhau tác động đến người phải THA và người có quyền, nghĩa vụ liên quan để tổ chức THA. Chính vì vậy hoạt động THADS có tác động mạnh đến quyền về tài sản và nhân thân của người phải THA, nhiều trường hợp THADS làm thay đổi hẳn cuộc sống của người phải THA và gia đình họ. Do đó, hoạt động THADS phải tuân theo những trình tự, thủ tục rất chặt chẽ, từ nhận bản án, quyết định của Tòa án, đơn yêu cầu THA; ra quyết định THA đến khâu cuối cùng là kết thúc việc THA, đặc biệt trong giai đoạn CCTHA, CHV trực tiếp đụng chạm đến quyền lợi, tài sản của người phải THA.

Mặc khác CHV là người được NN giao trách nhiệm tổ chức thi hành các bản án, quyết định của TA và của trọng tài thương mại có hiệu lực pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động liên quan đến việc tổ chức THADS. Đặc biệt hoạt động CCTHADS có liên quan trực tiếp đến nhiều đối tượng khác nhau, nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt do tính chất của CCTHADS mà trong quá trình tổ chức CCTHADS, cơ quan THA phải huy động tổng hợp sức mạnh của nhiều cơ quan trong hệ thống chính trị để đảm bảo cho việc CCTHA được thống nhất, thuận lợi và thông suốt. Việc huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị vào CCTHADS được dựa trên cơ sở pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan THA, CHV và bản thân các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. Trên cơ sở các quy định của pháp luật về CCTHADS, các quy định pháp luật có liên quan và yêu cầu của CHV, các cơ quan, tổ chức hữu quan sẽ tham gia vào quá trình THA cũng như quá trình CCTHA bằng các hoạt động cụ thể. Các hoạt động này được biểu hiện thông qua các quyết định của những người đại diện có trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đó khi tham gia vào những vụ việc cụ thể. Do vậy trong quản lý nhà nước về CCTHADS, chủ thể quản lý phải theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp của đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS thông qua việc theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định của Thủ trưởng, CHV cơ quan THA, Kiểm sát viên và những đối tượng khác có liên quan đến hoạt động THADS và CCTHADS.

Thứ nhất, các quyết định và hành vi của thủ trưởng cơ quan THADS

Theo quy định của Luật THADS năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì thủ trưởng cơ quan THADS thực hiện các hành vi và ban hành các quyết định về thi hành án thuộc thẩm quyền.

Để làm căn cứ cho việc tổ chức THA, thủ trưởng cơ quan THA phải ban hành hoặc không được ban hành các quyết định về THA khi không có căn cứ pháp lý. Ví dụ như phải ban hành quyết định THADS khi nhận được bản án quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài thương mại hoặc khi nhận được đơn yêu cầu của người được THA. Đồng thời, khi ban hành các quyết định, thủ trưởng cơ quan THA phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và yêu cầu các nội dung của mỗi loại quyết định.

Thứ hai, các quyết định và hành vi của CHV cơ quan THADS

CHV là người chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án và của trọng tài thương mại. Trong quá trình tổ chức CCTHADS CHV ra các quyết định và thực hiện những hành vi sau: quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định thành lập hội đồng định giá; quyết định giải tỏa việc phong tỏa, kê biên tài sản; quyết định kê biên tài sản; quyết định cưỡng chế giao vật, trả vật, tài sản; quyết định cưỡng chế giao nhà; quyết định cưỡng chế giao quyền sử dụng đất; quyết định cưỡng chế buộc phải làm hoặc không phải làm một công việc.

Các hành vi của CHV trong THADS bao gồm toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ của CHV trên cơ sở các quy định của pháp luật về THADS để tổ chức thi hành bản án, quyết định của TA và quyết định của trọng tài thương mại. Trình tự, thủ tục các điều kiện để tiến hành những hoạt động này được quy định chặt chẽ.

Thứ ba, các quyết định của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên.

Khi thực hiện chức năng kiểm sát Viện kiểm sát có quyền kháng nghị đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan THADS, CHV cơ quan THADS cùng cấp và cấp dưới theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau: 1. Yêu cầu Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án cùng cấp và cấp dưới, CHV, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc THA ra quyết định THA đúng quy định của pháp luật; tự kiểm tra việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án đúng quy định của pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến việc THA; trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc THA của cơ quan THA cùng cấp và cấp dưới, CHV, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc THA; đề nghị miễn chấp hành hình phạt theo quy định của pháp luật; kháng nghị đối với TA nhân dân, cơ quan thi hành án cùng cấp, cấp dưới, CHV, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trong việc THA; yêu cầu đình chỉ việc THA, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong THA, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật trong THA; nếu có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự. Do đó,

hoạt động kiểm tra, giám sát của Viện kiểm sát đối với hoạt động THADS nói chung, đối với hoạt động CCTHADS nói riêng.

Trong quá trình quản lý nhà nước về CCTHADS, để đảm bảo cho việc quản lý có hiệu quả, các chủ thể có quyền quản lý được pháp luật giao cho các quyền tương ứng với chức năng, nhiệm vụ của chủ thể quản lý trong hệ thống chính trị. Các quyền này được thể hiện ở nhiều mức độ khác nhau tùy thuộc vào từng chủ thể quản lý khác nhau, từ quyền đề nghị, kiến nghị, yêu cầu và kháng nghị đối với các hành vi và quyết định của đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS.

Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét tính hợp lý đối với các hành vi và quyết định của đối tượng quản lý nhà nước về CCTHADS và xem xét lại các chế độ, chính sách, quyết định trong quản lý nhà nước về CCTHADS. Trong quá trình quản lý nhà nước, các chủ thể quản lý ngoài việc có quyền tác động trực tiếp đến các đối tượng quản lý để điều chỉnh các hành vi, quyết định của đối tượng quản lý cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

1.3.2. Yêu cầu về tính hợp lý của quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Hợp lý theo nghĩa chung là đúng lẽ phải, đúng với sự cần thiết, phù hợp với logic của sự vật. Không có điều gì tồn tại được lâu dài nếu như nó bất hợp lý. Quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự cũng vậy. Để ra đời và tồn tại lâu dài, quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự phải đảm bảo các yêu cầu về tính hợp lý như đảm bảo lợi ích của nhà nước cũng như nguyện vọng của nhân dân, phù hợp thực tế khách quan, ngôn ngữ dễ hiểu, chính xác, rõ ràng, có tín dự báo và tính khả thi cao.

Để bảo đảm tính hiệu quả trong quản lý nhà nước về CCTHADS, quyết định về CCTHADS phải đáp ứng các yêu cầu về tính hợp lý vì có hợp lý thì mới có khả năng thực thi cao. Một quyết định QLNN về CCTHADS được coi là có tính hợp lý khi nó đáp ứng được yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, quyết định QLNN về CCTHADS phải tính đến yêu cầu tổng thể bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, tập thể và cá nhân. Yêu cầu này đòi hỏi sự

cân đối hợp lý giữa lợi ích Nhà nước và xã hội, coi lợi ích Nhà nước và lợi ích chung của công dân là tiêu chí để đánh giá sự hợp lý của quyết định trong quá trình CCTHADS.

Thứ hai, QLNN về CCTHADS phải có tính cụ thể và phù hợp với từng vấn đề và với các đối tượng thực hiện. Quyết định cần xác định cụ thể các nhiệm vụ, thời hạn, chủ thể, phương tiện để thực hiện.

Thứ ba, quyết định QLNN phải xem xét hiệu quả không chỉ về kinh tế mà cả về chính trị – xã hội, cả mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa hậu quả trực tiếp và gián tiếp, kết quả trước mắt và kết quả cuối cùng. Các biện pháp được đề ra trong quyết định phải phù hợp đồng bộ với biện pháp trong quyết định có liên quan.

Thứ tư, quyết định QLNN phải bảo đảm kỹ thuật lập quy, tức là ngôn ngữ, văn phong, cách trình bày phải rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, chính xác, không đa nghĩa.

Trong quá trình quản lý NN về CCTHADS, để đảm bảo cho việc quản lý có hiệu quả, thì chủ thể quản lý còn có quyền kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét lại các hành vi và quyết định của đối tượng quản lý về CCTHADS. Đồng thời, chủ thể quản lý về CCTHADS còn có quyền kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét lại các chế độ, chính sách và quản lý trong CCTHADS không còn phù hợp, nhằm đưa ra chính sách, quyết định phù hợp với thực tế, giúp cho hoạt động CCTHADS ngày càng hiệu quả, đạt được các mục đích đề ra.

Tiểu kết chương 1

Sau khi nghiên cứu và tìm hiểu pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự chúng ta có thể hiểu: “quản lý nhà nước về cưỡng chế THADS là một bộ phận của quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính – tư pháp. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực cưỡng chế thi hành án dân sự là thông qua hoạt động tổ chức, điều hành của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được nhà nước giao quyền nhằm tổ chức và phối hợp những cố gắng chung của toàn xã hội để giải quyết những nhiệm vụ của công tác cưỡng chế thi hành án dân sự, mà cụ thể là đảm bảo các yếu tố vật chất, tinh thần, pháp lý... cho hoạt động cưỡng chế thi hành án

dân sự đem lại hiệu quả cao nhất góp phần hoàn thiện cải cách nền hành chính nhà nước trong tình hình hiện nay.” Và trên những nghiên cứu, những nền tảng lý luận, căn cứ pháp luật đã nêu ở trên, học viên xin được phép vận dụng vào thực tiễn của địa phương nơi mình công tác để đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau ở phần tiếp theo của luận văn.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở TỈNH CÀ MAU

2.1. Thực trạng các yếu tố cấu thành quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

2.1.1. Hệ thống các cơ quan và công chức, người lao động thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau là cơ quan trực thuộc Tổng cục THADS, thực hiện chức năng THADS, có nhiệm vụ giúp Tổng cục trưởng Tổng cục THADS quản lý một số mặt công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan THADS địa phương và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

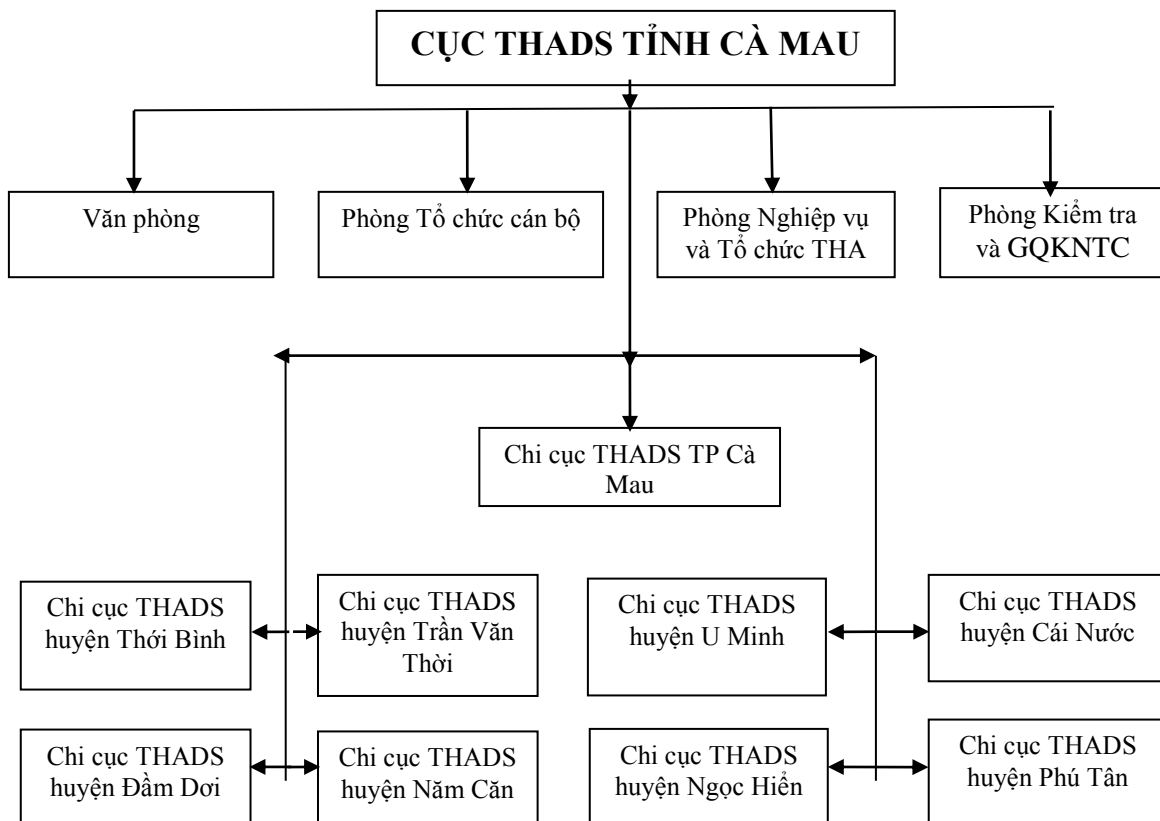
Cục Thi hành án dân sự có các Phòng chuyên môn thuộc Cục.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh có Thủ trưởng đồng thời là Thủ trưởng cơ quan THADS; Phó cục trưởng đồng thời là Phó thủ trưởng cơ quan cơ quan THADS; CHV sơ cấp; CHV trung cấp; CHV cao cấp; Thẩm tra viên THA; Thẩm tra viên chính THA; Thẩm tra viên cao cấp THA; Thư ký THA và công chức khác.

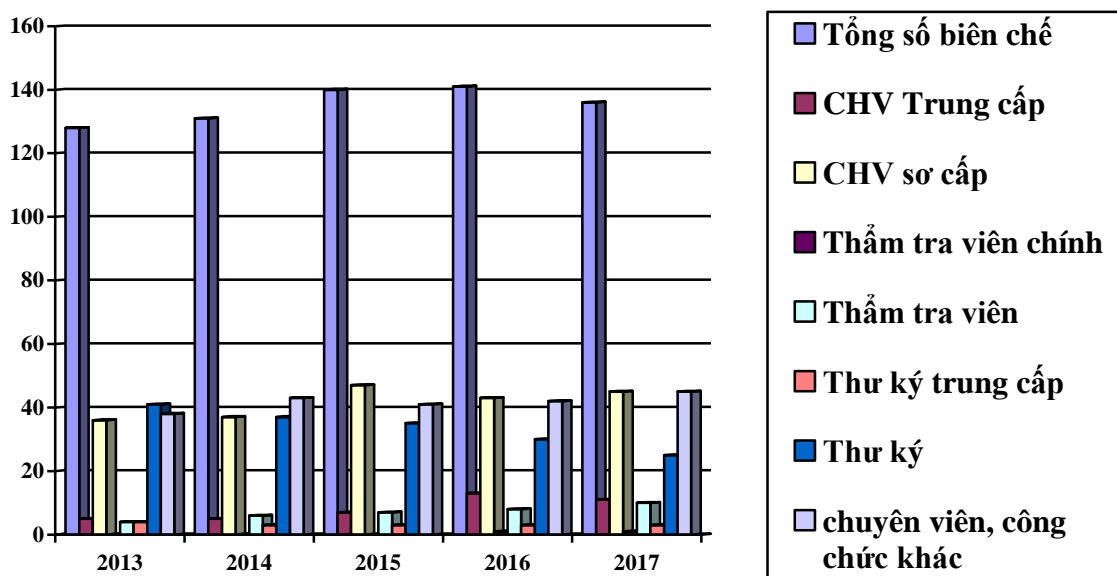
Cục trưởng Cục THADS chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng Cục THADS và trước PL về toàn bộ hoạt động của Cục THADS tỉnh. Phó cục trưởng Cục THADS tỉnh chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục THADS tỉnh và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu sự chỉ đạo của UBND tỉnh, có trách nhiệm báo cáo với UBND cùng cấp về chủ trương, biện pháp tăng cường công tác THADS trên địa bàn và thực hiện báo cáo công tác THADS trước Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức của hệ thống cơ quan THADS tỉnh Cà Mau hiện nay gồm:



Bảng 2.1: Về biên chế cán bộ, công chức và người lao động của THADS toàn tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017:



(Nguồn: Báo cáo thống kê của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017)

Qua biểu đồ cho thấy số lượng biên chế từ năm 2013 đến năm 2016 luôn tăng, do đáp ứng yêu cầu công việc thi hành án ngày càng tăng, riêng năm 2017 số biên chế giảm là do thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế. Thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, ngành Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đã gặp không ít những khó khăn do số lượng việc thi hành án ngày càng tăng, trong khi biên chế ngày càng giảm, từ đó áp lực công việc đối với chấp hành viên và công chức thi hành án ngày càng cao.

Số lượng Chấp hành viên trung cấp từ năm 2013 đến năm 2016 luôn tăng do nhu cầu đáp ứng công việc ngày càng nhiều, tính chất của công việc ngày càng khó khăn, phức tạp đòi hỏi trình độ, năng lực của chấp hành viên ngày càng cao đáp ứng nhu cầu của công việc và theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 03/2017/TT-BTP quy định Chấp hành viên trung cấp có chức trách trực tiếp tổ chức thi hành, đơn đốc thi hành các vụ việc thi hành án dân sự, thi hành án phức tạp, số tiền, tài sản thi hành án lớn... Riêng năm 2017, số lượng CHV trung cấp giảm xuống do quá trình luân chuyển, điều động công tác nên số lượng CHV trung cấp có thay đổi.

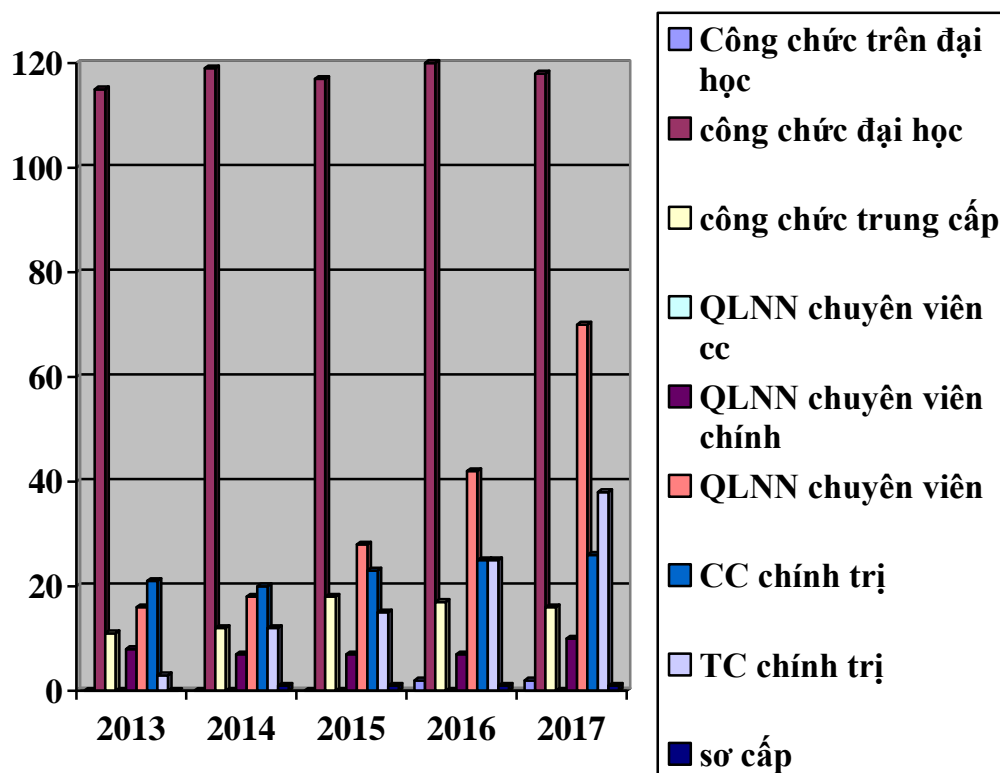
Số lượng CHV sơ cấp từ năm 2013 đến năm 2015 luôn tăng là do: Thứ nhất, là số lượng công việc ngày càng nhiều; thứ hai, do biên chế chấp hành viên được bổ sung hàng năm ngày càng tăng và Thụ ký đủ điều kiện bổ nhiệm chấp hành viên ngày càng tăng. Riêng năm 2016, năm 2017 số lượng CHV sơ cấp giảm xuống là do đủ điều kiện và bổ nhiệm lên CHV trung cấp nên số lượng CHV sơ cấp giảm, nhưng không đáng kể.

Số lượng Thẩm tra viên từ năm 2013 đến năm 2017 luôn tăng vì nhu cầu thực tế đòi hỏi phải có công chức trực tiếp giúp thủ trưởng đơn vị kiểm tra hồ sơ của CHV nhằm hạn chế những thiếu sót, sai phạm có thể xảy ra trong quá trình thi hành án; giúp Thủ trưởng đơn vị trong việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo. Do đó, nhu cầu cần bổ nhiệm thẩm tra viên ngày càng tăng, và số lượng thẩm tra viên luôn tăng.

Thụ ký từ năm 2013 đến năm 2017 luôn giảm là do đủ điều kiện và bổ nhiệm sang thẩm tra viên hoặc chấp hành viên sơ cấp.

Chuyên viên, công chức khác có thay đổi hàng năm là do quá trình bổ nhiệm sang thư ký hoặc bổ sung, tinh giản biên chế.

Bảng 2.2: Về trình độ công chức của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau:



(Nguồn: Báo cáo thống kê của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017)

Qua biểu đồ từ năm 2013 đến năm 2017 cho thấy:

Công chức ngành thi hành án có tỷ lệ cao về trình độ đại học như năm 2013 là 115 công chức có trình độ đại học và 2017 là 118 công chức có trình độ đại học, số lượng công chức có trình độ đại học qua các năm không có thay đổi nhiều do quá trình thay đổi cơ cấu công chức, thay đổi, luân chuyển công tác của công chức.

Trình độ trên đại học cũng dần được quan tâm, chú trọng đưa đi tào tạo và cũng tăng về số lượng năm 2016, 2017 là 02 công chức. Tuy nhiên, so với các ngành khác thì trình độ công chức thi hành án sau đại học còn thấp và chưa đáp ứng với nhu cầu chung của ngành.

Trình độ về quản lý nhà nước và trình độ lý luận chính trị cũng luôn tăng. Cụ thể: quản lý nhà nước chuyên viên chính là 08 người, năm 2017 là 10 người; quản lý nhà nước chuyên viên năm 2013 là 16 người đến năm 2017 là 70 người; cao cấp chính trị năm 2013 là 21 người, đến năm 2017 là 38 người; trung cấp chính trị năm 2013 là 3 người, đến năm 2017 là 38 người. Cho thấy nhu cầu về trình độ quản lý nhà nước, trình độ chính trị tăng lên để đáp ứng yêu cầu chung về quản lý nhà nước, phục vụ cho công tác chuyên môn của ngành, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo. Do đó, đòi hỏi về quản lý nhà nước, trình độ chính trị luôn được ưu tiên đào tạo, từ đó số lượng ngày càng tăng.

Các cơ quan THADS trên địa bàn tỉnh Cà Mau đã có đủ Thủ trưởng và Phó thủ trưởng cơ quan là Cục trưởng và Phó cục trưởng đối với Cục THADS tỉnh, Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố, huyện. Với cơ cấu tổ chức và số lượng biên chế công chức nêu trên, trong giai đoạn hiện nay, các Chi cục THADS cơ bản đủ đáp ứng yêu thực hiện nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, số biên chế phân bổ cho Cục THADS tỉnh quá thấp so với mức trung bình một cơ quan nhà nước cấp tỉnh (TAND tỉnh hơn 70 biên chế, VKSND tỉnh hơn 80 biên chế), do vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả THADS của toàn tỉnh.

Về cơ sở vật chất: Hiện Cục THADS tỉnh đã có trụ sở làm việc, cụm kho vật chứng và 7/9 các Chi cục đã có trụ sở làm việc riêng, 02 Chi cục đã được đầu tư xây dựng kho tang vật. Các cơ quan THADS trên địa bàn tỉnh cơ bản được trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác. Cục THADS tỉnh có 03 xe ô tô công vụ, 05/9 Chi cục có 01 xe ô tô công vụ/đơn vị (thành phố Cà Mau, Ngọc Hiển, Trần Văn Thời, Cái Nước, Đầm Dơi) và mỗi đơn vị Chi Cục đều có từ 01 đến 02 xe máy công, tất cả các cơ quan THADS đều được trang bị máy photô, vi tính, fax,... theo định mức kinh phí của BTP. Với cơ sở vật chất nêu trên trong giai đoạn hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động THADS trên địa bàn, nhưng để đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác THADS trong tình hình mới cần có những bổ sung phù hợp: đối với các Chi cục THADS thành phố, huyện có số lượng việc phải thi hành lớn, thường xuyên phải tổ chức cưỡng chế cần trang bị xe ô tô công vụ để phục vụ

công tác và phải đầu tư xây dựng trụ sở hai Chi cục còn lại là Phú Tân và Ngọc Hiến, cùng xây dựng đồng bộ kho tang vật cho tất cả các cơ quan THADS.

2.1.2. Hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

2.1.2.1. Xây dựng, ban hành văn bản, chỉ đạo tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác THADS trên địa bàn tỉnh Cà Mau nói chung, về công tác CCTHADS nói riêng, ngày 20/10/2015 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau đã ban hành Công văn số 20-CV/TU về việc tăng cường sự chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác THADS trên địa bàn tỉnh. Theo đó Thường trực Tỉnh ủy yêu cầu các Huyện ủy, thành ủy, đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc tỉnh ủy, các sở, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh phối hợp, chỉ đạo thực hiện một số nội dung như sau: [2].

1. Lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của PL về THADS, nhất là LTHADS năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015; Nghị quyết của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành về THADS để nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và nhân dân về vai trò, vị trí, trách nhiệm đối với công tác THADS; coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác THADS thực sự là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy, chính quyền các cấp; có biện pháp chỉ đạo kịp thời để các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được thi hành, nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

2. Đảng đoàn, Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng đoàn Ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh chỉ đạo tăng cường công tác giám sát hoạt động THADS, việc chấp hành pháp luật, đạo đức nghề nghiệp của CHV, cán bộ, công chức và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công tác THADS.

3. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về công tác THADS; chỉ đạo củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng,

hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo THADS cấp tỉnh, cấp huyện, đảm bảo Ban chỉ đạo THADS hoạt động theo đúng Thông tư liên tịch số 14/2011/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 11/7/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân Tối cao và Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (nay là Thông tư số 05/2016/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19/5/2016 quy định hoạt động của Ban chỉ đạo THADS); tăng cường chỉ đạo công tác phối hợp giữa cơ quan THADS với các cấp, các ngành có liên quan để tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền chỉ đạo thi hành đối với các vụ án có tính chất phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

4. Đảng ủy Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị chức năng thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ CCTHADS và hỗ trợ tư pháp. Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng VKSND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo TAND, VKSND hai cấp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan THADS triển khai thực hiện công tác THADS theo đúng quy định pháp luật. VKSND tỉnh tăng cường công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật về THA đối với các cơ quan THADS và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Các sở, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các biện pháp THA khi có yêu cầu của cơ quan THADS để đảm bảo các quyết định của cơ quan THADS được thi hành đạt yêu cầu.

6. Các Huyện ủy, Thành ủy thường xuyên quan tâm, chỉ đạo củng cố, kiện toàn các tổ chức đảng của Chi cục THADS để lãnh đạo cơ quan THADS thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của ngành và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

7. Cục THADS tỉnh phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các huyện ủy, thành ủy triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để thi hành có hiệu quả những vụ việc có điều kiện thi hành; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức hoạt động THADS; tiếp tục củng cố, kiện toàn về tổ chức, cán bộ các cơ quan THADS, đảm bảo đủ số lượng và nâng cao chất lượng; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng

đội ngũ cán bộ, công chức THADS đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên lĩnh vực THADS và công tác miễn, giảm THADS theo quy định. Ngoài ra Ban Thường vụ giao Ban Nội chính Tỉnh ủy phối hợp với Cục THADS tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy để theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

Đối với UBND tỉnh Cà Mau cũng đã ban hành quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 07/11/2011 thành lập Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh nhằm kiện toàn Ban chỉ đạo thi hành án theo quy định của pháp luật [87].

Đối với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, công tác hướng dẫn và chỉ đạo nghiệp vụ tiếp tục được xác định là một trong những mặt công tác trọng tâm; được lãnh đạo Cục thường xuyên đưa ra trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp giao ban của lãnh đạo Cục. Bên cạnh chỉ đạo các Phòng thuộc Cục tập trung nghiên cứu, trả lời các công văn xin hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của các chi cục, tập trung chỉ đạo việc tổ chức thi hành án đối với các đơn vị có lượng án nhiều, cường chế nhiều, giá trị lớn cụ thể:

Năm 2013, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau ban hành 03 văn bản chỉ đạo nghiệp vụ, 11 văn bản hướng dẫn nghiệp vụ. Đối với các vụ việc khó khăn, phức tạp, Cục Thi hành án dân sự tỉnh yêu cầu các Chi cục trực tiếp mang hồ sơ báo cáo lãnh đạo Cục và được lãnh đạo Cục cho ý kiến và có thông báo kết luận chỉ đạo từng vụ việc từ đó tháo gỡ khó khăn cho đơn vị và cho Chấp hành viên để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo [23].

Năm 2014, Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã tiếp nhận 11 văn bản xin ý kiến hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, xem xét, giải quyết 10/11 văn bản, đạt tỷ lệ 90,9%, còn chuyên kỳ sau giải quyết 01 văn bản [24].

Năm 2015, Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã tiếp nhận 19 văn bản xin ý kiến hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Cục, đã xem xét, giải quyết 19/19 văn bản, đạt tỷ lệ 100%. Ngoài ra Cục đã có 04 văn bản xin ý kiến hướng dẫn

nghiệp vụ của Tổng cục, đã nhận được ý kiến hướng dẫn 02 văn bản; Tình hình thực hiện quy trình hướng dẫn nghiệp vụ trong nội bộ hệ thống thi hành án dân sự: các đơn vị xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ đã thực hiện đúng quy trình hướng dẫn nghiệp vụ, theo quyết định số 824/QĐ-TCTHADS ngày 03/12/2014 [25].

Năm 2016, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đã thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, quan tâm chỉ đạo khắc phục các sai sót, vi phạm về các chuyên môn, nghiệp vụ đối với các chi cục đã chủ động triển khai lại các văn bản, chuyên đề tập huấn, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, nhất là các nội dung mới của luật... cho công chức, người lao động trong đơn vị. Ngoài việc chủ động hướng dẫn nghiệp vụ đối với các chi cục, đối với các vụ việc phức tạp, Cục đã tổ chức họp liên ngành với các sở, ban, ngành địa phương hoặc kịp thời báo cáo với Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự để tìm hướng giải quyết; thường xuyên họp giao ban để nắm bắt tình hình triển khai công tác tình hình triển khai công việc, những vụ việc khó khăn, phức tạp để kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc nhắc nhở đối với những chi cục có kết quả thi hành án thấp... Năm 2016, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đã tiếp nhận 14 văn bản xin ý kiến hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, đã xem xét giải quyết 14/14 văn bản. Tình hình quy trình hướng dẫn nghiệp vụ trong nội bộ hệ thống Thi hành án dân sự, về cơ bản các chi cục đã thực hiện đúng quy trình [26].

Năm 2017, Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã tiếp nhận 15 văn bản xin ý kiến hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, đã xem xét, giải quyết 15/15 văn bản, báo cáo xin ý kiến Tổng cục Thi hành án dân sự 02 văn bản. Chủ động hướng dẫn chấp hành viên 03 văn bản; tình hình thực hiện quy trình hướng dẫn nghiệp vụ trong nội bộ hệ thống thi hành án dân sự (kèm theo Quyết định số 824/QĐ-TCTHADS ngày 03/12/2014), Quy trình tổ chức thi hành án (kèm theo Quyết định số 273/QĐ-TCTHADS ngày 22/02/2017) [27].

Về Công tác kiểm tra luôn được Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau quan tâm, chỉ đạo thực hiện sát sao cụ thể:

Năm 2013, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đã tiến hành 08 cuộc kiểm tra toàn diện đối với 08 chi cục, kiểm tra đột xuất 01 chi cục, kiểm tra hoạt động tổ chức thi hành án của chấp hành viên thuộc Cục [23].

Năm 2014, Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã kiểm tra toàn diện đối với 03 chi cục, kiểm tra chuyên đề đối với 06 chi cục, lãnh đạo cục đã tiến hành kiểm tra đối với 07 đơn vị đối với việc triển khai thực hiện kế hoạch năm 2014 [24].

Năm 2015, Cục đã tiến hành 09/09 cuộc kiểm tra, trong đó có kiểm tra toàn diện và kiểm tra về việc triển khai, thực hiện kế hoạch năm 2015 [25].

Năm 2016, thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp, Tổng Cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự đã xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu theo Nghị quyết của Quốc hội, trong đó có kiểm tra về tình hình sử dụng kinh phí cưỡng chế, hồ sơ thi hành án... Năm 2016 Cục đã kiểm tra 09 cuộc, trong đó kiểm tra theo chuyên đề đối với 06 chi cục và kiểm tra toàn diện đối với 03 chi cục [26].

Năm 2017, ngày từ đầu năm Cục đã ban hành kế hoạch số 28/KH-CTHADS ngày 27/12/2016 về việc kiểm tra công tác thi hành án dân sự năm 2017 và chỉ đạo chi cục trong tỉnh xây dựng kế hoạch tự kiểm tra nội bộ thường xuyên trong năm. Năm 2017 Cục đã kiểm tra 09/09 đơn vị, trong đó kiểm tra toàn diện 03 chi cục, kiểm tra chuyên đề 06 chi cục [27].

Qua công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ và công tác kiểm tra tại tỉnh Cà Mau cho thấy Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao về công tác chỉ đạo nghiệp vụ, công tác kiểm tra nhằm hạn chế những vi phạm xảy ra. Và kết quả kiểm tra cho thấy các mặt hoạt động trong công tác thi hành án toàn tỉnh nói chung, công tác cưỡng chế thi hành án dân sự nói riêng ngày càng được nâng lên về hiệu quả, những hạn chế, thiếu sót, vi phạm ngày càng giảm đi về số lượng cũng như tính chất nghiêm trọng. Thủ trưởng cơ quan thi hành án trong tỉnh đã quan tâm, chú trọng hơn trong công tác tự kiểm tra nội bộ.

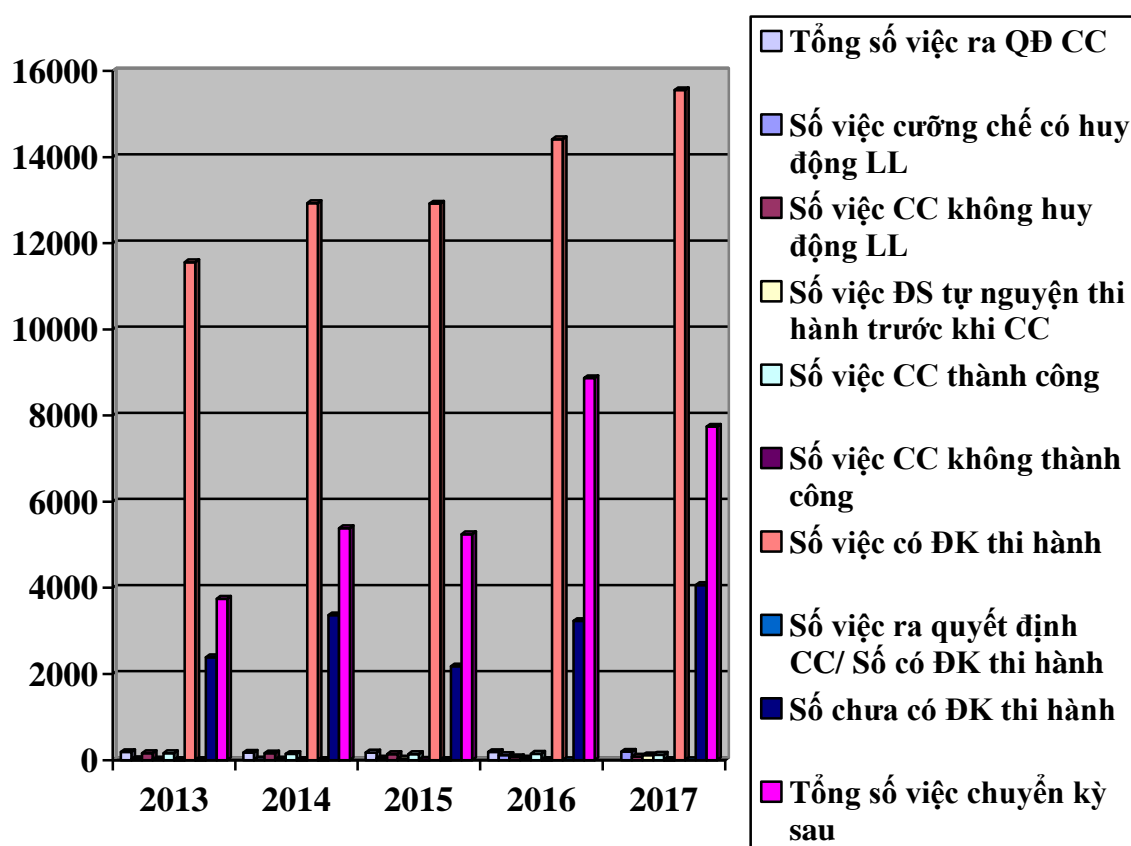
2.1.2.2. Thực hiện pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

Thực hiện pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau phải bảo đảm đúng pháp luật thực hiện tinh thần Điều 106 Hiến pháp năm 2013 [61] đòi hỏi quan điểm thực hiện pháp luật về THADS nói chung và pháp luật về quản lý nhà nước về CCTHADS nói riêng phải luôn luôn được tuân thủ đúng pháp luật, đó chính là nguyên tắc xuyên suốt trong tất cả các hình thức, hành vi của chủ thể thực hiện pháp luật. Về bản chất việc thực hiện đúng pháp luật chính là việc bảo đảm nguyên tắc pháp chế vì nguyên tắc pháp chế chính là sự đòi hỏi của cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân phải thực hiện đúng, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật trong hoạt động của mình. Để đảm bảo việc thực hiện pháp luật quản lý nhà nước về CCTHADS trong THADS tỉnh Cà Mau đúng pháp luật thì yêu cầu quan trọng nhất khi thực hiện quản lý nhà nước trong THADS phải đảm bảo tính tối thượng của Hiến pháp, Luật THADS và các văn bản pháp luật có liên quan. Đồng thời phải có sự thống nhất trong việc thực hiện pháp luật, tránh sự tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện pháp luật quản lý nhà nước về CCTHADS ở tỉnh Cà Mau phải nghiêm chỉnh tuân thủ quy định của pháp luật THADS và các văn bản liên quan để các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực được thi hành trên thực tế. Mọi hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực THADS và quản lý nhà nước về CCTHADS phải được xử lý nhanh chóng, kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật. Quán triệt quan điểm này, yêu cầu đặt ra là phải có hệ thống pháp luật quản lý nhà nước về CCTHADS và các văn bản có liên quan hoàn thiện nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc xác lập trật tự và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về CCTHADS; ý thức pháp luật của các chủ thể thực hiện pháp luật đạt trình độ cao; các điều kiện vật chất đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện pháp luật của các chủ thể quản lý nhà nước về CCTHADS. Từ cơ sở đó, quy trình thủ tục về CCTHADS ở tỉnh Cà Mau luôn được xem trọng đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo pháp luật quy định.

Thời gian qua công tác CCTHADS tuy chưa được áp dụng nhiều nhưng kết quả đạt được đã thúc đẩy, kích lệ tiến độ giải quyết việc THADS, tạo niềm tin cho nhân dân về tính nghiêm minh của pháp luật góp phần ổn định tình hình trật tự trị

an xã hội; Quy trình cưỡng chế được CHV chú trọng xác minh đầy đủ lập kế hoạch cẩn thận, trình tự thủ tục đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chưa để xảy ra sai sót gì. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện cho CHV thực hiện các cuộc cưỡng chế được thuận lợi; Các quy định của pháp luật về CCTHA đầy đủ, rõ ràng. Những vụ cưỡng chế khó khăn, phức tạp đều được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Chủ tịch UBND - Trưởng ban chỉ đạo THADS.

Bảng 2.3: Quy trình, thủ tục cưỡng chế thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017 cụ thể:



(Nguồn: Báo cáo thống kê của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017)

Qua biểu đồ nêu trên, thì hàng năm số vụ việc ra quyết định cưỡng chế/ số có điều kiện thi hành không cao, đơn cử như: năm 2013, số việc cưỡng chế chiếm 1,62%/ số có điều kiện thi hành, Năm 2014, số việc cưỡng chế chiếm 1,35%/ số việc có điều kiện thi hành. Nhìn chung, phần lớn người phải thi hành án đã dần có được ý thức về pháp luật thi hành án dân sự, phần lớn người phải thi hành án đã tự

nguyện thi hành án ... phải nói rằng, ngoài sự chấp hành pháp luật của người phải thi hành án, sự nỗ lực vượt bậc của đội ngũ CHV, cán bộ, công chức THA thì biện pháp cưỡng chế đã đóng vai trò là các công cụ hữu hiệu góp phần không nhỏ để đạt được kết quả cao trong công tác thi hành án. Bởi vì công tác động viên, thuyết phục đương sự tự nguyện THA được quan tâm hàng đầu trong công tác THADS và được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo tập trung nâng cao các biện pháp giáo dục nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong THADS, hạn chế tối đa số vụ việc phải cưỡng chế. Từ đó, sau khi có quyết định cưỡng chế đã có nhiều vụ người phải thi hành án tự nguyện thi hành án như: năm 2013 có 19 vụ sau khi ra quyết định cưỡng chế người phải thi hành án tự nguyện thi hành án, năm 2017 có đến 115 vụ việc sau khi ra quyết định cưỡng chế người phải thi hành án tự nguyện thi hành án. Bên cạnh đó, số việc cưỡng chế có huy động lực lượng cũng ít hơn số vụ việc không có huy động lực lượng như: năm 2013 số vụ cưỡng chế có huy động lực lượng là 25, không có huy động lực lượng là 162; năm 2014 số vụ cưỡng chế có huy động lực lượng là 16, số vụ cưỡng chế không có huy động lực lượng là 159; năm 2015 số vụ cưỡng chế có huy động lực lượng là 41, số không có huy động lực lượng là 138; năm 2016 và năm 2017 số vụ việc cưỡng chế có huy động lực lượng đã tăng lên đột biến so với số vụ việc cưỡng chế không có huy động lực lượng cụ thể năm 2016 số vụ cưỡng chế có huy động lực lượng là 116 vụ, không có huy động lực lượng là 71 vụ. Từ đó, cho thấy các vụ việc cưỡng chế ngày càng phức tạp, khó khăn, cần đòi hỏi khi tiến hành cưỡng chế phải có huy động lực lượng. Từ đó, có một số vụ cưỡng chế vẫn có tính chất phức tạp, người phải thi hành án cố tình chống đối lại lực lượng cưỡng chế, kiên quyết không thi hành án, từ đó qua các năm vẫn có số vụ cưỡng chế không thành công, dẫn đến án tồn đọng kéo dài, gây khó khăn cho tình hình an ninh, trật tự tại địa phương như năm 2013 số vụ cưỡng chế không thành công là 4 vụ, năm 2014 là 2 vụ, năm 2015 là 5 vụ.

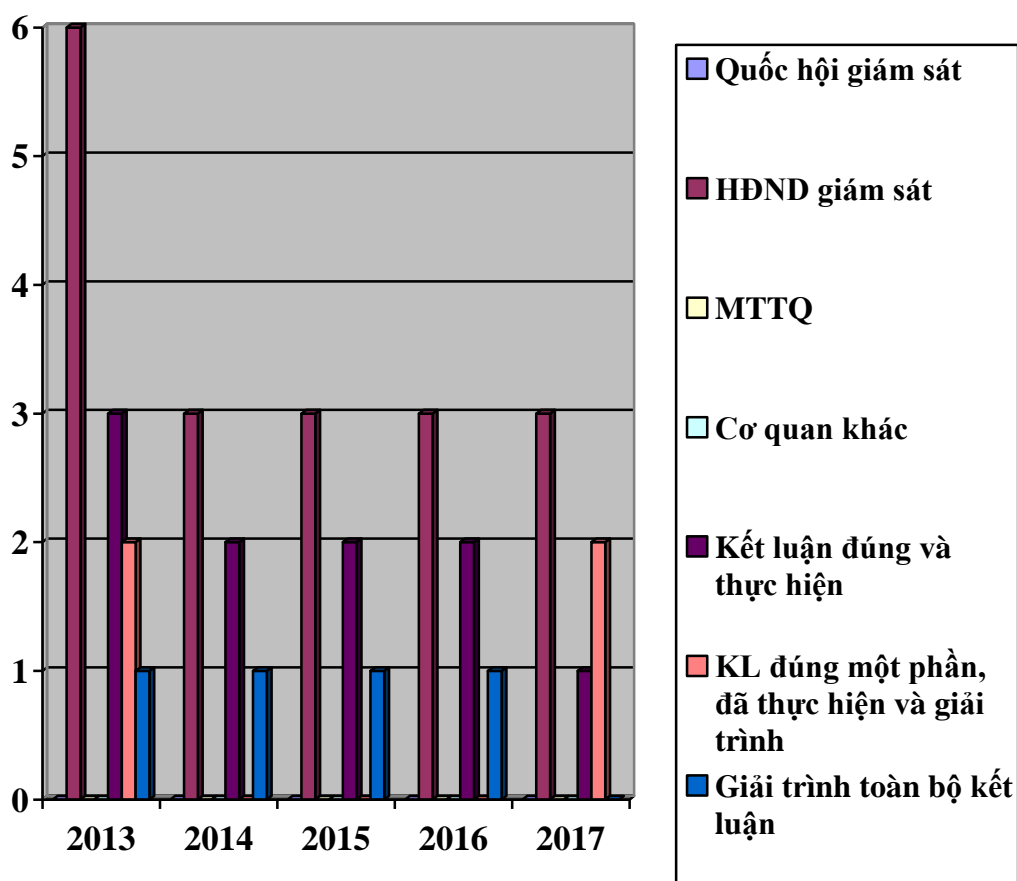
Qua các năm số vụ việc tồn đọng ngày càng cao do nhiều nguyên nhân: thứ nhất, còn một bộ phận người phải thi hành án cố tình chạy ì không tự nguyện thi hành án. Thứ hai, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án nhưng khi kê

biên xử lý bán không có người tham gia đấu giá. Thứ ba, số việc tòa án xét xử ngày càng tăng. Thứ tư, số vụ việc chưa có điều kiện thi hành cứ chuyển kỳ liên tục nhiều năm. Từ đó, lượng việc tồn đọng ngày càng tăng và đến nay vẫn chưa có hướng xử lý dứt điểm.

2.1.2.3. Bảo vệ pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm luôn được các chủ thể quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau quan tâm nhằm bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự luôn đạt hiệu quả, hạn chế tình trạng vi phạm trong công tác cưỡng chế thi hành án dân sự cụ thể:

Bảng 2.4: Về công tác giám sát tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017:



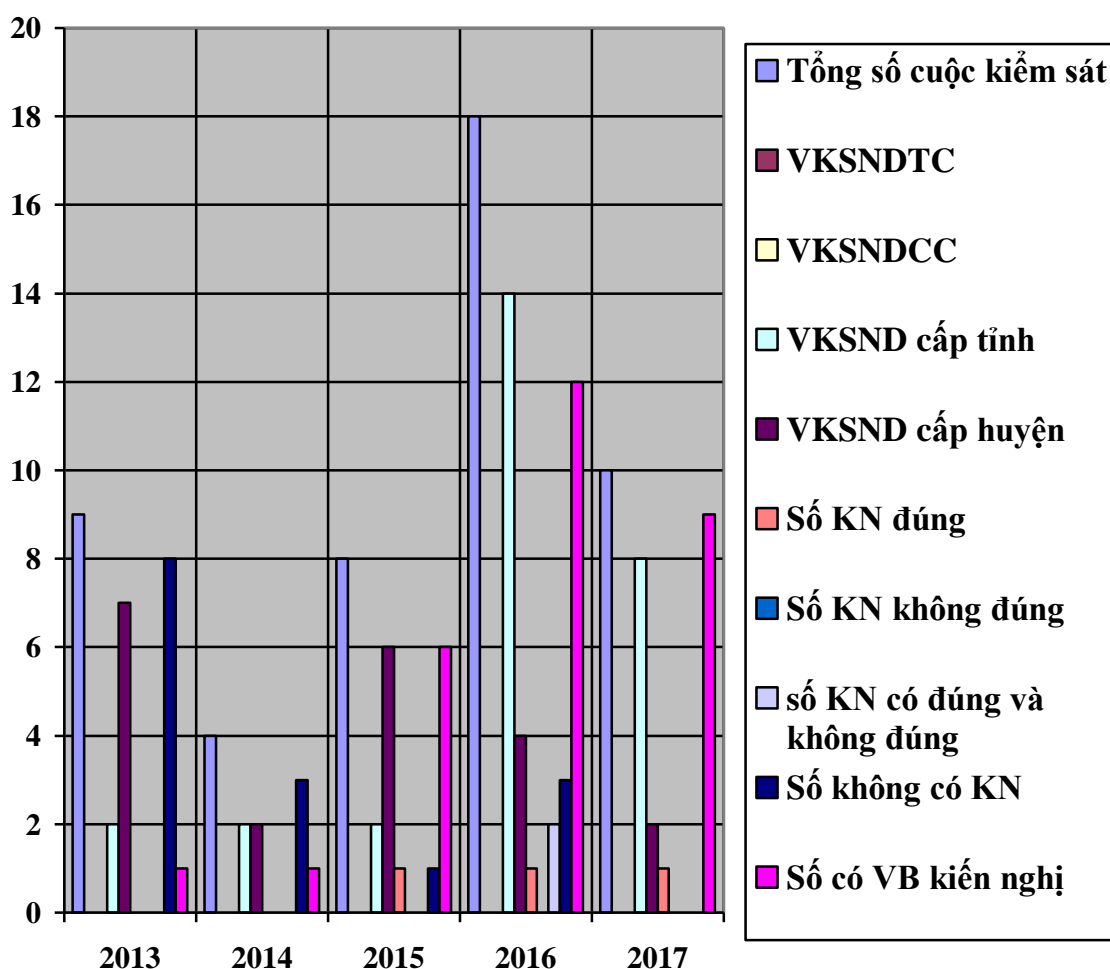
(Nguồn: Báo cáo thống kê của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017)

Nhìn chung, từ năm 2013 đến năm 2017 công tác giám sát trong hoạt động thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau nói chung, hoạt động cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau nói riêng luôn được Hội đồng nhân dân từ cấp tỉnh đến cấp huyện quan tâm, giám sát có hiệu quả đã góp phần cho công tác về cưỡng chế thi hành án đạt hiệu quả, hạn chế những vi phạm xảy ra và ngày càng được quan tâm, coi trọng. Tuy nhiên, nhìn chung chỉ có Hội đồng nhân dân tham gia giám sát, còn các cơ quan như Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan khác chưa có các cuộc giám sát về công tác cưỡng chế thi hành án dân sự. Trong 5 năm, có năm 2013 là có nhiều cuộc giám sát do trong năm này có nhiều sai phạm trong trình tự, thủ tục thi hành án, do đó các hoạt động giám sát từ Hội đồng nhân dân được tăng cường giám sát nhằm hạn chế những sai phạm nghiêm trọng có thể xảy ra. Các năm còn lại Hội đồng nhân dân đều giám sát theo định kỳ, do các năm này công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Cà Mau có ít những sai sót, vi phạm.

Qua giám sát, HĐND đã có kết luận cho từng cuộc giám sát, trong đó năm 2013 có kết luận đúng và thực hiện cao nhất là 03, năm 2014, 2015, 2016 kết luận đúng và thực hiện là 2, năm 2017 kết luận đúng và thực hiện là 01. Qua đó, cho thấy qua công tác giám sát, các cơ quan chức năng đã phát hiện được những sai sót, vi phạm đi đến kết luận và cơ quan thi hành án phải thực hiện theo kết luận và khắc phục những hạn chế, sai sót đã được chỉ ra.

Trong quá trình giám sát cũng có những kết luận chưa chính xác, được cơ quan thi hành án giải trình toàn bộ kết luận như từ năm 2013 đến năm 2016 mỗi năm đều có giải trình toàn bộ 01 kết luận.

Bảng 2.5: Về công tác kiểm sát tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017:



(Nguồn: Báo cáo thống kê của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017)

Theo biểu đồ, từ kết quả các cuộc kiểm sát hàng năm (theo báo cáo thống kê của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau từ năm 2013 đến năm 2017) nhìn chung công tác kiểm sát luôn được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau và Viện kiểm sát nhân dân các huyện trong tỉnh quan tâm, thực hiện sát sao, đạt nhiều kết quả, các cuộc kiểm sát nhìn chung ngày càng tăng lên, góp phần kiểm tra, phát hiện những sai sót, hạn chế trong trình tự thủ tục thi hành án nói chung, trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành án nói riêng, tránh được tình trạng vi phạm nghiêm trọng xảy ra dẫn đến bồi thường nhà nước trong công tác cưỡng chế thi hành án.

Cụ thể: năm 2013 toàn tỉnh có 09 cuộc kiểm sát, năm 2014 có 04 cuộc kiểm sát, năm 2015 có 08 cuộc kiểm sát, năm 2016 có 18 cuộc kiểm sát, năm 2017 có 10 cuộc kiểm sát. Qua các năm có năm 2016 số lượng kiểm sát tăng đột biến là do chỉ đạo từ Viện kiểm sát nhân dân Tối cao chỉ đạo kiểm sát sát sao công tác thi hành án nhằm hạn chế những vi phạm xảy ra trong công tác thi hành án dân sự, nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm sát và năm 2016 đã có 12 văn bản kiến nghị khắc phục những sai phạm. Cho thấy năm 2016 là năm có nhiều những thiếu sót, sai phạm cần khắc phục.

Qua các cuộc kiểm sát tại tỉnh Cà Mau phần lớn là kiến nghị khắc phục những hạn chế, thiếu sót, ít xảy ra trường hợp kháng nghị và những vi phạm nghiêm trọng cụ thể năm 2013, 2014 không trường hợp nào có kháng nghị đúng toàn bộ, năm 2015, 2016, 2017 mỗi năm chỉ có 01 kháng nghị đúng toàn bộ. Kháng nghị đúng một phần và không đúng một phần có năm 2016 là 02 kết luận.

Qua đó công tác kiểm sát, cho thấy việc bảo vệ PL quản lý nhà nước về CCTHADS luôn được quan tâm, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

2.2. Mức độ đáp ứng yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý của quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

2.2.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu về tính hợp pháp của quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

Qua công tác giám sát, kiểm sát và công tác kiểm tra về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau cho thấy yêu cầu về tính hợp pháp của quản lý nhà nước luôn được quan tâm sát sao và thực hiện có hiệu quả.

Tính hợp pháp của quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau luôn được tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, nội dung, hình thức, phương pháp quản lý của các chủ thể quản lý đúng theo khuôn khổ pháp luật quy định. Các cơ quan quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự đã ban hành các văn bản và hoạt động trong phạm vi thẩm quyền được quy định. Các văn bản về quản lý nhà nước được ban hành đúng hình thức và thủ tục do pháp luật quy định.

Cụ thể từ năm 2013 đến năm 2017 Hội đồng nhân dân có 18 cuộc giám sát, nhưng kết thúc các đợt giám sát chỉ có 08 kết luận có vi phạm và đề nghị khắc phục, tuy nhiên không có trường hợp nào nghiêm trọng.

Từ năm 2013 đến năm 2017 Viện kiểm sát có 49 cuộc kiểm sát, phần lớn là sau khi kết luận kiểm sát chỉ có kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc khắc phục về thủ tục, có 03 trường hợp có kháng nghị, nhưng không có trường hợp nào vi phạm nghiêm trọng.

Từ kết quả các cuộc giám sát, kiểm sát của các cơ quan chức năng cho thấy, công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự luôn được bảo đảm tính hợp pháp, hạn chế đến mức thấp nhất những vi phạm xảy ra tại địa bàn tỉnh Cà Mau.

2.2.2. Mức độ đáp ứng yêu cầu về tính hợp lý của quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

Qua công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng cho thấy mức độ đáp ứng yêu cầu về tính hợp lý của quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự luôn được đảm bảo. Vì trong quá trình quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự phải đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của tổ chức, công dân. Tuy nhiên, cũng không tránh khỏi những hạn chế thiếu sót, vi phạm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. Cụ thể:

Năm 2013 toàn tỉnh đã tiếp nhận 110 đơn, thư khiếu nại về công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, trong đó thuộc thẩm quyền giải quyết 96 việc, còn 14 việc thuộc thẩm quyền của các cơ quan khác; đã đình chỉ 06 việc, khiếu nại đúng toàn bộ 15 việc, khiếu nại sai toàn bộ 47 việc; toàn tỉnh có 05 đơn tố cáo, số đơn tố cáo sai toàn bộ là 05 đơn [28].

Năm 2017 toàn tỉnh đã tiếp nhận 157 đơn, thư khiếu nại về công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, trong đó thuộc thẩm quyền giải quyết 100 việc, còn 57 việc thuộc thẩm quyền của các cơ quan khác; đã đình chỉ 11 việc, khiếu nại đúng toàn bộ 31 việc, khiếu nại sai toàn bộ 54 việc; toàn tỉnh có 15 đơn tố

cáo, có 08 việc thuộc thẩm quyền giải quyết, 07 việc không thuộc thẩm quyền giải quyết, số đình chỉ 06, tố cáo đúng toàn bộ 01 việc, tố cáo sai toàn bộ 01 việc [32].

Từ những kết quả trên cho thấy mức độ đáp ứng yêu cầu về tính hợp lý của quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự đã được quan tâm, đảm bảo, tuy nhiên vẫn còn phần nào ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân dẫn đến khiếu nại, tố cáo có chiều hướng tăng lên.

2.3. Nhận xét về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau

2.3.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

Trên cơ sở thực hiện các quyền, nghĩa vụ và sử dụng các hình thức, phương pháp quản lý nhà nước về cưỡng chế THADS, trong thời gian qua hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự đã đạt được những kết quả đáng kể. Từ đó đã tích cực góp phần vào việc nâng cao kết quả, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về thi hành án dân sự. Cụ thể:

Một là, quản lý nhà nước về thi hành án dân sự góp phần nâng cao kết quả thi hành án dân sự nói chung, kết quả về CCTHADS nói riêng. Sau hơn 20 năm đổi mới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, cùng với sự đa dạng của các quan hệ kinh tế, dân sự, hành chính, lao động nhiều chủ thể quan hệ pháp luật mới đã xuất hiện; các tranh chấp dân sự kinh tế vì thế mà cũng trở nên nhiều hơn và đa dạng hơn, nhiệm vụ giao cho các cơ quan thi hành án dân sự cũng không ngừng được mở rộng, không chỉ giới hạn trong phạm vi quy định Luật Thi hành án dân sự mà còn mở rộng ở các văn bản pháp luật khác, khối lượng việc phải giải quyết tăng lên rất nhiều. Năm 2013 tổng số việc toàn tỉnh Cà Mau phải thụ lý giải quyết 13.942 việc với tổng số tiền 198.565.620 nghìn đồng, năm 2017 tổng số vụ việc phải thụ lý giải quyết lên đến 19.881 việc với số tiền 1.064.883.312 nghìn đồng. Số việc cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế cũng tăng theo như năm 2013 số việc ra quyết định cưỡng chế 187 việc, năm 2017 ra quyết định cưỡng chế 197 việc.

Mặc dù số việc thi hành án phải giải quyết không ngừng tăng lên, số vụ việc ra quyết định cưỡng chế cũng tăng lên mỗi năm, nhưng với nỗ lực cùng với sự cố

gắng của công chức ngành thi hành án, dưới sự quản lý của của các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, dưới sự thanh tra, kiểm sát, giám sát của các cơ quan chức năng, kết quả quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự không ngừng được tăng lên, kết quả xử lý các vụ việc cũng không ngừng tăng lên, kết quả giải quyết xong các hình thức năm sau luôn cao hơn năm trước, đặc biệt nhiều vụ việc phức tạp đã được xử lý dứt điểm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân, từ đó củng cố và nâng cao uy tín của cơ quan thi hành án dân sự nói riêng, của các cơ quan quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự nói chung.

Hai là, quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự góp phần hạn chế những hành vi vi phạm trong cưỡng chế thi hành án dân sự.

Qua các cuộc giám sát, kiểm sát của các cơ quan chức năng cho thấy tình trạng vi phạm pháp luật trong cưỡng chế thi hành án dân sự tương đối thấp như qua công tác giám sát năm 2017 chỉ 02 kết luận giám sát cơ quan, CHV thi hành án có vi phạm và phải thực hiện; số việc phải bồi thường nhà nước trong quá trình cưỡng chế thi hành án dân sự cũng tương đối ít như năm 2013 số vụ việc phải bồi thường nhà nước là 02 việc, năm 2014 số việc phải bồi thường nhà nước là 02 việc, năm 2015 là 03 việc.

Ba là, quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự góp phần làm chuyển biến nhận thức của xã hội đối với công tác thi hành án dân sự nói chung, công tác cưỡng chế thi hành án dân sự nói riêng cả về hình thức, trình tự thủ tục đến kết quả thi hành.

Một trong những kết quả quan trọng nhất trong công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự là đã tạo ra sự chuyển biến tích cực về nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể và công dân về công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự có tác động trực tiếp đến nhận thức của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương với công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Do đó, công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự đã được coi là một trong các nhiệm vụ chính trị quan trọng, được cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan

tâm. Vai trò chỉ đạo tổ chức thi hành án của các cấp chính quyền địa phương ngày càng được tăng cường, cơ chế phối hợp ngày càng chặt chẽ hơn. Đến nay tại tỉnh Cà Mau đã có Ban chỉ đạo cấp tỉnh và 09 Ban chỉ đạo cấp huyện, thành phố do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND làm Trưởng ban. Nhờ đó sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự đã được sâu sát, kịp thời hơn, đạt hiệu quả cao hơn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự của tỉnh Cà Mau, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của địa phương, ổn định tình hình chính trị, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự được kết quả như trên do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, nhờ vào sự quan tâm của Đảng, chính quyền, nhờ vào sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể.

Thứ hai, pháp luật về thi hành án dân sự, về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ngày càng hoàn thiện và có hiệu quả.

Thứ ba, năng lực của chủ thể quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ngày càng được nâng lên, phần lớn đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

2.3.2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân

2.3.2.1. Chủ thể quản lý nhà nước về thi hành án dân sự chưa được thường xuyên, đồng đều

Cưỡng chế Thi hành án dân sự là hoạt động khó khăn, phức tạp, đụng chạm trực tiếp đến quyền lợi của người phải thi hành án và những người có liên quan, trong khi đó pháp luật về thi hành án dân sự còn nhiều hạn chế, bất cập, trình độ, năng lực, đạo đức của một bộ phận chấp hành viên còn hạn chế. Do đó, đòi hỏi các chủ thể quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự phải được tiến hành kiểm tra, giám sát thường xuyên và đồng đều. Tuy nhiên, qua kết quả hoạt động quản lý cho thấy, hoạt động của một số chủ thể quản lý chưa được thường xuyên, liên tục như giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội.

2.3.2.2. Quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự chưa bao trùm lên tất cả các đối tượng quản lý

Về lý luận và thực tiễn, có rất nhiều đối tượng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Ở mức độ nào đó, thì hoạt động của mỗi đối tượng này đều có tác động đến cưỡng chế thi hành án dân sự. Tuy nhiên, thời gian qua, các chủ thể quản lý chỉ tập trung vào quản lý hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự mà chưa quản lý đối với hoạt động của tất cả các đối tượng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Do những hạn chế nêu trên, nên quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự trong thời gian vừa qua vẫn chưa thực sự phát huy hết hiệu quả trong việc giải quyết lượng việc thi hành án có điều kiện, thực trạng vi phạm pháp luật trong cưỡng chế thi hành án dân sự còn tương đối nhiều, khiếu nại, tố cáo bức xúc chưa được giải quyết triệt để. Nội dung khiếu nại, tố cáo thường tập trung vào việc áp dụng trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành án dân sự, việc kê biên không đúng đối tượng, định giá tài sản thấp, cưỡng chế thi hành án không đúng quy định, chấp hành viên có tiêu cực, kéo dài thời gian thi hành án.

2.3.2.3. Nguyên nhân

Pháp luật về thi hành án dân sự, về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự còn nhiều bất cập, chưa được bổ sung kịp thời.

Trong quá trình quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, pháp luật về thi hành án dân sự, về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự là cơ sở để các chủ thể quản lý nhà nước tiến hành quản lý, còn pháp luật về quản lý nhà nước là công cụ. Chính vì vậy, kết quả quản lý, chất lượng quản lý phụ thuộc rất lớn vào sự hoàn thiện của hai hệ thống văn bản này. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua hai hệ thống văn bản này vẫn còn nhiều bất cập chưa được kịp thời sửa đổi, bổ sung, mặc dù đã có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước.

Đối với hệ thống pháp luật về thi hành án dân sự, được sự quan tâm của các cơ quan có thẩm quyền, trong thời gian vừa qua nhiều văn bản pháp luật có liên quan đến thi hành án đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung, bước đầu đã khắc phục

được tình trạng khó khăn, bất cập trong thủ tục thi hành án dân sự, cũng như thủ tục cưỡng chế thi hành án dân sự, nhưng vẫn còn chưa đáp ứng được các nhu cầu đặt ra và chưa theo kịp với những biến đổi năng động của cuộc sống. Nhiều quy định liên quan đến thủ tục cưỡng chế thi hành án dân sự vẫn còn chưa giải quyết hết được những tình huống thực tế cuộc sống đặt ra. Chính vì vậy, dẫn đến thiếu các quy định làm căn cứ cho việc đánh giá tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hoạt động của đối tượng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Tiểu kết chương 2

Qua nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự ở tỉnh Cà Mau, học viên nhận thấy công tác quản lý nhà nước về thi hành án dân sự nói chung, quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự nói riêng đã và đang được Đảng và Nhà nước quan tâm ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm đáp ứng cho công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự; cùng với đó là sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đã làm cơ sở, nền tảng cho việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự của tỉnh Cà Mau đi vào nề nếp, đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận. Bên cạnh đó cũng còn không ít những khó khăn, hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Trên cơ sở phân tích những nguyên nhân hạn chế còn tồn tại trong quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự học viên sẽ đưa ra định hướng, giải pháp bảo đảm cho quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự trong chương tiếp theo.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ - TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU

3.1. Định hướng bảo đảm quản lý nhà nước về cưỡng chế Thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Cà Mau

3.1.1. Bảo đảm, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân trong quá trình tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam hiện nay, việc bảo vệ quyền con người luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Quyền con người và quyền công dân luôn là những nội dung hàng đầu được Đảng và Nhà nước quan tâm đưa vào các văn kiện, tài liệu quan trọng; những quy định về bảo vệ quyền con người được ghi nhận trong những bản Hiến pháp qua các thời kì lịch sử của đất nước và ngày càng được cụ thể hóa trong nhiều văn bản điều chỉnh các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh lĩnh vực hành chính tư pháp. Trong đó cụ thể có lĩnh vực thi hành án dân sự, đặc biệt trong giai đoạn CCTHA với nhiệm vụ thực hiện bản án, quyết định dân sự của Tòa án. Việc thi hành án đạt hiệu quả, một mặt sẽ bảo đảm được việc thực hiện quyền lực Nhà nước, thể hiện sự tôn trọng của mọi chủ thể trong xã hội đối với phán quyết của Tòa án nhân danh quyền lực Nhà nước. Mặt khác, đây là một biện pháp hữu hiệu để khôi phục lại các lợi ích của Nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đã bị xâm hại. Trong giai đoạn hiện nay, THADS là một vấn đề bức xúc, bởi trong quá trình thực thi pháp luật về thi hành án dân sự đã nảy sinh rất nhiều vấn đề mới cần phải giải quyết, cũng như phải chịu áp lực từ nhiều phía, nhiều nguyên nhân khác nhau làm cho việc THADS gặp nhiều khó khăn. Trong đó, việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế nói chung và biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản nói riêng cũng có không ít những trở ngại cả về mặt pháp lý cũng như thực tiễn vì ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người của các bên đương sự bao gồm bên phải thi hành án, bên được thi hành án. Trong hoạt động kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án dân sự bản thân

công dân là người bị quản lý và chịu sự phán quyết nên họ luôn luôn ở vị thế bất lợi. Trong điều kiện đó, người công dân không có vũ khí, phương tiện nào khác hữu hiệu hơn là sử dụng pháp luật để đấu tranh tự bảo vệ lấy các quyền và lợi ích của mình. Bởi vậy, sự ra đời của Luật Thi hành án dân sự cùng các văn bản pháp luật liên quan đã góp phần quan trọng trong việc hình thành thể chế bảo đảm quyền con người trong các hoạt động thi hành án dân sự.

3.1.2. Cải cách phương thức, thủ tục trong quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự theo hướng minh bạch, phục vụ.

Nội dung cải cách thủ tục hành chính theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 đã xác định rõ 7 vấn đề: Cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là thủ tục hành chính liên quan tới người dân, doanh nghiệp; thực hiện cải cách thủ tục hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng mọi nguồn lực của xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm điều kiện cho nền kinh tế của đất nước phát triển nhanh, bền vững; cải cách thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, các cấp và trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước; Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính; công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính; đặt yêu cầu cải cách thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng thể chế, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò của các tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập trong xây dựng thủ tục hành chính; tăng cường sự giám sát của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước. Để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan THADS, tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết tốt hơn công việc của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động CCTHADS, trên cơ sở đánh giá sự cần thiết và khả năng thực thi đối với việc triển khai cải cách thủ tục hành chính trong CCTHADS, trong giai đoạn hiện nay, cải cách thủ tục hành chính trong CCTHADS cần tập trung vào những nội dung sau:

Một là, tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa tại các Cục THADS và Chi cục THADS nhằm giảm phiền hà, thời gian, chi phí cho người được THA,

người phải THA, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đẩy nhanh tiến độ theo đúng quy định trong cưỡng chế thi hành án, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, CHV, công chức thi hành án. Để tiếp tục triển khai cơ chế một cửa, cơ quan THADS cần ban hành các văn bản hướng dẫn, thông báo cơ chế một cửa đối với những thủ tục hành chính trong giai đoạn CCTHADS và đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng; niêm yết công khai nội quy, quy chế tiếp công dân và các loại hồ sơ, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí (nếu có) đối với từng thủ tục hành chính tại các cơ quan THADS về CCTHADS;

Hai là, niêm yết, công khai các thủ tục hành chính trong THADS, CCTHADS, bảo đảm 100% các thủ tục hành chính trong giai đoạn CCTHADS đều công khai, minh bạch, tiếp cận đối với mọi tổ chức, cá nhân, công dân.

Ba là, thực hiện rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính trong THADS, CCTHADS làm cơ sở nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật THADS theo hướng đơn giản hóa về mặt thủ tục nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ về mặt pháp lý;

Bốn là, xây dựng và thực hiện Hệ thống quản lý và đánh giá về công tác kiểm soát thủ tục hành chính ở tất cả các cấp trong hệ thống THADS. Thông qua việc kiểm soát thủ tục hành chính, mọi thủ tục hành chính sẽ được công khai hóa và thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế, tránh tình trạng tùy tiện, thiếu công khai, minh bạch trong việc ban hành và thực hiện TTHC tại các cơ quan THADS.

Năm là, xây dựng các quy trình thủ tục hành chính nội bộ phù hợp, giảm gánh nặng hành chính, tiết kiệm cho các cơ quan thi hành án;

Sáu là, thực hiện hỗ trợ trực tuyến yêu cầu, khiếu nại, tố cáo trong CCTHADS với mục đích, hướng dẫn, hỗ trợ đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện thuận lợi quyền công dân của mình; tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho họ.

3.1.3. Kiểm soát có hiệu quả đối với quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Để kiểm soát có hiệu quả đối với quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự cần phải có nhiều hình thức kiểm soát khác nhau như:

- Giám sát hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự của nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân:

+ Nhân dân vừa là chủ thể của quyền lực nhà nước, nhưng đồng thời cũng là chủ thể giám sát mọi hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức nhà nước. Vì vậy nhân dân là chủ thể quan trọng của hoạt động giám sát quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo đối với đối tượng giám sát về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự và trực tiếp tham gia vào một số hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

+ Viện kiểm sát nhân dân giám sát hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự thông qua việc thực hiện chức năng kiểm sát thi hành án dân sự. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan thi hành án, chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Vì vậy để kiểm soát có hiệu quả đối với quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự cần phải có chủ thể giám sát là Viện kiểm sát nhân dân.

- Kiểm tra: hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên đối với cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới nhằm kiểm tra, phát hiện, chấn chỉnh các hoạt động quản lý sai sót, đề nghị sửa chữa, khắc phục, tránh tình trạng để xảy ra vi phạm nghiêm trọng, không thể khắc phục được trong quản nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

- Thanh tra: tăng cường hiệu quả hoạt động thanh tra trong lĩnh vực THADS, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự là một trong những yêu cầu quan trọng thiết yếu. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự thì cần xem xét, tiếp tục thực hiện một số biện pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật THADS theo hướng đồng bộ, nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng thời đó cũng là điều kiện thuận lợi để các chấp hành viên tổ chức thi hành án đạt hiệu quả cao. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về hoạt động thanh tra trong lĩnh vực quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Trước mắt là xây dựng và hoàn thiện Đề án thành lập và giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho Tổng cục THADS theo quy định của Luật THADS sửa đổi, bổ sung năm 2014, theo đó, cần chỉ rõ Tổng cục THADS có thẩm quyền thanh tra các lĩnh vực cụ thể.

Thứ ba, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực quản lý nhà nước về CCTHADS theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực trong CCTHADS; tăng cường công tác thanh tra đột xuất, thanh tra các cơ quan, tổ chức có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các vấn đề bức xúc trong lĩnh vực THADS nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những sai phạm, thiếu sót, đồng thời xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các hành vi vi phạm pháp luật. Tăng cường chỉ đạo công tác tự kiểm tra của các cơ quan THADS.

Thứ tư, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong toàn hệ thống, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm của đội ngũ công chức thi hành án; xử lý nghiêm, kiên quyết thay thế những cán bộ những nhiều, gây phiền hà vi phạm đạo đức, lối sống và chuyên môn, nghiệp vụ.

Thứ năm, tăng cường quản lý Nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THADS theo hướng:

- Thủ trưởng các cơ quan THADS thực hiện đúng và đủ quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Tổng cục THADS, Thanh tra Bộ Tư pháp, tăng cường công tác phối hợp về giải quyết khiếu nại, tố cáo và tăng cường thanh tra, kiểm tra về trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ trưởng cơ quan THADS;

- Đối với những vụ việc CCTHADS có khiếu nại bức xúc kéo dài mà nguyên nhân do các đơn vị, tổ chức hoặc cá nhân không chấp hành án cần phải có biện pháp yêu cầu thực hiện việc thi hành án. Những trường hợp do các ngành, các cơ quan hữu quan chưa thống nhất ý kiến, thiếu đồng tình với phán quyết của Tòa án thì phải có biện pháp tháo gỡ, giải quyết kịp thời, rõ ràng, ngăn ngừa việc đương sự lợi dụng khiếu nại kéo dài, vượt cấp gây mất trật tự, an toàn ở địa phương.

Thứ sáu, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Khoản 43 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS năm 2014 theo hướng Bộ Tư pháp có thẩm quyền thanh tra về nghiệp vụ THADS để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp đối với lĩnh vực THADS và bảo đảm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt hiệu quả cao.

3.2. Giải pháp bảo đảm quản lý nhà nước về cưỡng chế Thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Cà Mau

3.2.1. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Trên cơ sở đường lối của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, để không ngừng đổi mới và hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước về CCTHADS trước hết, Nhà nước cần đẩy mạnh công tác tập hợp hóa, pháp điển hóa hệ thống pháp luật quản lý nhà nước về CCTHADS để rà soát, đối chiếu loại bỏ những quy phạm, những văn bản pháp luật mâu thuẫn, chòng chéo, kịp thời bổ sung những văn bản pháp luật điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về CCTHADS đang còn bỏ trống, đảm bảo xây dựng hệ thống pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch.

3.2.2. Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thi hành án dân sự theo khu vực

Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ tại Hội nghị Trung ương 6 vừa qua: Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, yêu cầu trong thời gian tới, toàn hệ thống chính trị phải chủ động, tích cực vào cuộc, coi đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách, có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Trong lĩnh vực cơ quan thi hành án cũng vậy, để cơ quan thi hành án hoạt động có hiệu quả, tinh gọn thì cần sắp xếp bộ máy các cơ quan thi hành án theo khu vực.

Phải nghiên cứu, xem xét từng địa phương cụ thể để sắp xếp bộ máy các cơ quan thi hành án hoạt động có hiệu quả. Địa bàn tỉnh, huyện nào có số lượng án ít, giao thông thuận lợi thì có thể sáp nhập để nhằm tinh gọn bộ máy và hoạt động có hiệu quả, giảm chi cho ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

3.2.3. Xây dựng đội ngũ công chức, người lao động trong các cơ quan thi hành án dân sự có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, thực thi công vụ chuyên nghiệp

Một trong 5 mục tiêu quan trọng của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 là: “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước”.

Để thực hiện có hiệu quả theo chương trình tổng thể cải cách hành chính đội ngũ công chức, người lao động trong các cơ quan thi hành án dân sự phải giải quyết các vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra cụ thể: phải nâng cao chất lượng cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước; phải công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức khi thi hành công vụ; cán bộ, công chức không ngừng rèn luyện nâng cao năng lực và trình độ; cán bộ, công chức phải nhạy bén và thích ứng với diễn biến tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và thế giới; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, thực thi công vụ chuyên nghiệp.

Đây là giải pháp mang tính quyết định để thực hiện thành công cải cách nền hành chính. Không có đội ngũ công chức, người lao động đủ năng lực hoạch định chính sách, dân thân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm thì khó có được những thể chế, chính sách theo kịp và định hướng cho sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Muốn có đội ngũ công chức, người lao động có năng lực phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, từ tuyển dụng đến bố trí, sử dụng công chức, người lao động, trong đó tập trung vào những việc sau:

- Thực hiện tuyển dụng theo nguyên tắc đúng người, đúng việc; lấy công việc và hiệu quả công việc làm tiêu chí lựa chọn nhân sự. Thi tuyển phải thực sự khách

quan, công tâm và công bằng. Trong việc xây dựng cơ chế thi tuyển công chức, Chính phủ nên giao cho một tổ chức độc lập thực hiện và đánh giá.

- Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý biên chế cho người đứng đầu tổ chức sử dụng công chức. Quy định trách nhiệm liên đới của người đứng đầu đối với công chức dưới quyền. Cho phép người thủ trưởng được trực tiếp tuyển dụng nhưng phải chịu trách nhiệm trực tiếp nếu nhân viên cấp dưới làm sai.

- Thực hiện bố trí, sử dụng nhân sự theo cơ chế giao việc, khoán việc và quy trách nhiệm đến cùng. Áp dụng chế độ vị trí việc làm để xác định tiền lương, tiền công và các chế độ, chính sách đối với đội ngũ công chức, người lao động.

- Có thái độ kiên quyết, dứt khoát đối với những công chức, người lao động không đáp ứng được công việc. Kiên quyết đưa ra khỏi nền công vụ những người không làm được việc, đồng thời giải quyết thỏa đáng chế độ tài chính cho những đối tượng này, để bảo đảm trong cơ quan nhà nước thực sự chỉ có người làm được việc và cống hiến cho cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện đánh giá công chức dựa trên hiệu quả công việc. Bảo đảm tính công bằng trong đánh giá, không đánh đồng và đồng nhất kết quả đánh giá giữa các đối tượng công chức khác nhau và giữa các công chức chuyên môn với công chức giữ vị trí lãnh đạo, quản lý. Thực hiện việc xây dựng tiêu chí và xét các danh hiệu thi đua theo từng nhóm đối tượng có vị trí, chức năng, nhiệm vụ tương đương nhau, không xét các danh hiệu thi đua theo cơ quan, đơn vị. Có như vậy mới có thể bảo đảm tính công bằng và tạo động lực thực sự các phong trào thi đua.

Chỉ thị số 03/CT-BTP ngày ngày 24 tháng 09 năm 2013 của Bộ Tư pháp nêu rõ: “Thực hiện nghiêm kỷ luật công vụ, kỷ cương hành chính, giờ giấc lao động, nội quy, quy chế của Bộ, của đơn vị. Tăng cường công tác tự kiểm tra công tác quản lý công chức, viên chức trong đơn vị. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, thực thi công vụ, hoạt động nghề nghiệp của công chức, viên chức, đặc biệt là đối với các cơ quan Thi hành án dân sự.” [14]

Qua đó, mỗi công chức, người lao động trong các cơ quan thi hành án dân sự phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật, của Bộ; thường xuyên tự rèn luyện, chủ động tự học tập, nghiên cứu nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp của công tác tư pháp.

3.2.4. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Ngày 06/02/2017 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 05/CT-TTg về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự. Chỉ thị nêu rõ: “Để phát huy kết quả đã đạt được, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác thi hành án dân sự, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị Bộ Tư pháp cần xác định rõ định hướng phát triển hoạt động thi hành án dân sự phải gắn liền với yêu cầu xây dựng nền tư pháp nhân dân trong sạch vững mạnh, phù hợp với quan điểm của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 về xây dựng Chính phủ “kiến tạo, phát triển, liêm chính và phục vụ nhân dân”.” và “Tập trung triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo điều hành và tổ chức thi hành án, coi đây là giải pháp đột phá trong công tác thi hành án dân sự. Xây dựng cơ sở dữ liệu, đầu tư hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin trong toàn Hệ thống; thực hiện công khai kịp thời, đầy đủ thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành. Đẩy mạnh cải cách hành chính, triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cơ chế một cửa trong thi hành án dân sự.” [86]

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO trong hoạt động quản lý, điều hành trong công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Nâng cấp hoàn thiện các phần mềm tại Bộ phận một cửa; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin giữa các cơ quan THADS với các cơ quan hữu quan. Tiếp tục duy trì, mở rộng và cải tiến việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan THADS, cũng như hoạt động quản lý nhà nước về CCTHADS. Khảo sát,

lấy ý kiến các cá nhân, tổ chức, người dân và doanh nghiệp về sự phục vụ của các cơ quan THADS làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện CCHC.

3.2.5. Các giải pháp dành riêng cho Cà Mau

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, điều đầu tiên đặt ra là thái độ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự như thế nào. Nếu như họ có thái độ đúng đắn đối với công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự thì họ sẽ quan tâm đến công tác quản lý NN về cưỡng chế thi hành án dân sự. Nhờ có sự quan tâm này, thì họ tích cực tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự. Để có thể nâng cao được nhận thức của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau cần phải:

- Làm chuyển biến nhận thức của cấp ủy đảng và chính quyền về công tác thi hành án dân sự.

Thi hành án dân sự là hoạt động mang tính thực tiễn cao, có thể nói hầu hết các hoạt động thi hành án dân sự đều được triển khai trong thực tiễn và gắn bó chặt chẽ với cơ sở. Đồng thời do Thi hành án dân sự liên quan trực tiếp đến tài sản của đương sự, có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người phải thi hành án và gia đình họ, nên thi hành án dân sự có liên quan đến nhiều cơ quan nhà nước khác nhau như Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Bảo hiểm... và tác động lớn đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương. Do đó, trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự cơ quan thi hành án dân sự cần phải có sự chỉ đạo phối hợp của các cấp ủy đảng và chính quyền, nên nếu như cấp ủy và chính quyền địa phương không coi thi hành án dân sự là việc chung và có trách nhiệm với công tác thi hành án dân sự, thì việc quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự sẽ bị buông lỏng.

Cấp ủy cần phải tiếp tục có sự chỉ đạo bằng văn bản chỉ đạo các ban, ngành có liên quan phải phối hợp tốt trong công tác thi hành án dân sự nói chung, công tác

cưỡng chế về thi hành án dân sự nói riêng và xem đây là nhiệm vụ chính trị của địa phương mình.

Đối với chính quyền phải thực hiện tốt việc thành lập Ban chỉ đạo thi hành án dân sự và Ban chỉ đạo thi hành án dân sự phải hoạt động có hiệu quả trong việc chỉ đạo các ban, ngành trong công tác phối hợp thi hành án cụ thể: Phòng Tư pháp phối hợp trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân về pháp luật Thi hành án dân sự; Các cơ quan khác phối hợp tốt trong việc cung cấp thông tin về điều kiện của người phải thi hành án, phối hợp tốt trong công tác động viên, thuyết phục người phải thi hành án tự nguyện thi hành án, phối hợp tốt trong công tác cưỡng chế thi hành án.

- Tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự, về quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật một mặt làm nâng cao nhận thức về pháp luật thi hành án dân sự cho nhân dân và những đối tượng liên quan trực tiếp đến thi hành án dân sự, giúp người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến thi hành án dân sự nắm rõ các quyền, nghĩa vụ của mình và của các đối tượng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, từ đó làm cơ sở để họ có thể tham gia quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự.

Thứ hai, phải công khai trình tự, thủ tục về cưỡng chế thi hành án dân sự

Trong quá trình quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự các chủ thể quản lý phải kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, cũng như tác động, điều chỉnh các hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng bị quản lý. Để làm được điều này các chủ thể quản lý phải được biết về các hoạt động thực tiễn của các đối tượng bị quản lý, tức là các chủ thể quản lý phải biết được đối tượng bị quản lý được quyền làm gì, không được quyền làm gì; có nghĩa vụ thực hiện công việc gì hay không thực hiện hành vi nào và làm công việc đó như thế nào. Muốn vậy, ngoài việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự, cưỡng chế thi hành án dân sự và quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, thì đòi hỏi phải công khai hóa,

minh bạch hóa các hoạt động của các đối tượng quản lý nhà nước thi hành án dân sự.

Mặt khác, việc công khai hóa, minh bạch hóa các quy định của pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự, quy trình, thủ tục về cưỡng chế thi hành án dân sự còn giúp cho người được thi hành án, người phải thi hành án và người có liên quan dễ dàng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Đồng thời, nó còn có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật của chấp hành viên, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có liên quan.

Thứ ba, tăng cường hoạt động quản lý của các chủ thể quản lý về cưỡng chế thi hành án dân sự

Cưỡng chế thi hành án dân sự là hoạt động thường xuyên, liên tục và cực kỳ khó khăn, phức tạp. Chính vì vậy, để nâng cao quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, thì hoạt động quản lý phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục. Khi hoạt động quản lý nhà nước được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục sẽ giúp các chủ thể quản lý phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng bị quản lý trong quá trình cưỡng chế thi hành án dân sự.

Mặt khác, việc quản lý nhà nước không chỉ kiểm tra tính hợp pháp đối với hành vi của các đối tượng bị quản lý, mà thông qua hoạt động quản lý, các chủ thể quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự còn kiến nghị, đề nghị, yêu cầu các chủ thể bị quản lý có hành vi vi phạm pháp luật trong cưỡng chế thi hành án dân sự phải khắc phục, sửa chữa tình trạng vi phạm hoặc khắc phục hậu quả nếu có và điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, trong quá trình quản lý, các chủ thể quản lý phát hiện ra những nguyên nhân dẫn đến vi phạm pháp luật trong cưỡng chế thi hành án dân sự, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và kiến nghị các đối tượng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự thực hiện.

Trong trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật trong cưỡng chế thi hành án dân sự, thì chủ thể đã tiến hành các hoạt động quản lý còn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết quả quản lý, theo dõi việc khắc phục các hành

vi phạm pháp luật của đối tượng quản lý. Để làm được những việc này, đòi hỏi hoạt động quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục.

Thứ tư, giải pháp về nội dung quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự

Để đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, thì đổi mới nội dung quản lý cũng phải được đặt ra. Trong đó, cần tập trung Quy định rõ các quyền, nghĩa vụ của chủ thể quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự, đối tượng quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự trong các văn bản pháp luật thi hành án dân sự và các văn bản có liên quan.

Hiện tại, quyền và nghĩa vụ của chủ thể quản lý, đối tượng quản lý chủ yếu dựa trên cơ sở các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ thể quản lý và đối tượng quản lý, nên khi tiến hành quản lý trong cưỡng chế thi hành án dân sự các chủ thể quản lý và đối tượng quản lý gặp lúng túng không biết quyền và nghĩa vụ của mình đến đâu, phạm vi quản lý bao gồm những nội dung gì... và đối tượng quản lý cũng không rõ mình phải thực hiện những công việc gì khi nhận được những kiến nghị, yêu cầu của chủ thể quản lý.

Tiểu kết chương 3

Qua nghiên cứu về định hướng, giải pháp bảo đảm quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự - từ thực tiễn tỉnh Cà Mau, học viên nhận thấy trong quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự cần phải bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong quá trình tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự; trong quá trình quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự đòi hỏi phải cải cách phương thức, thủ tục trong quản lý nhà nước, kiểm soát có hiệu quả đối với quản lý nhà nước, đồng thời phải có giải pháp đảm bảo quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Thi hành án dân sự là một hoạt động của Nhà nước, mang tính chất hành chính – tư pháp, là một trong những phương pháp để thực thi quyền lực nhà nước, đồng thời cũng là biện pháp để đảm bảo nâng cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thông qua hoạt động thi hành án dân sự, những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật được thi hành trên thực tế, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, của nhà nước và tổ chức được bảo vệ, công bằng xã hội trở thành hiện thực. Bản án, quyết định về dân sự của tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực được thi hành ngay; quyết định của trọng tài thương mại đã có hiệu lực pháp luật nếu không được tổ chức thi hành sẽ làm vô hiệu hóa toàn bộ hoạt động của hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng trước đó, làm ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ bộ máy nhà nước.

Quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự là một trong những biện pháp đảm bảo thực thi quyền lực nhà nước theo dõi, quan sát, kiểm tra một cách chủ động, thường xuyên, liên tục đối với hoạt động cưỡng chế thi hành án dân sự, Chấp hành viên, công chức khác của cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án dân sự. Đồng thời, sẵn sàng tác động để buộc và hướng hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên, và các cơ quan, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án dân sự theo đúng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan, nhằm tổ chức thi hành bản án, quyết định của tòa án và trọng tài thương mại.

Với ý nghĩa như vậy, quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự có một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong cưỡng chế thi hành án dân sự, góp phần đẩy lùi những bất cập tồn tại trong công tác cưỡng chế thi hành án dân sự, từ đó nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự nói chung, công tác về cưỡng chế thi hành án dân sự nói riêng, củng cố lòng tin của nhân dân đối với cơ quan, chấp hành viên và công chức trong thi hành án dân sự, cơ quan tư pháp nói riêng và đối với bộ máy nhà nước nói chung. Trên cơ sở đó, xây

dựng bộ máy nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh tiến tới xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Để làm được điều này đòi hỏi hiệu quả hoạt động của nhà nước, trong đó có hoạt động thi hành án dân sự và cưỡng chế thi hành án dân sự được nâng cao. Trong thời gian vừa qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành những chủ trương, chính sách lớn và nhiều văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự và công tác quản lý nhà nước về cưỡng chế về thi hành án dân sự. Đặc biệt là Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 được ban hành đã khẳng định phải “xây dựng cơ chế đảm bảo mọi bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính vi phạm bị xử lý theo phán quyết của tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành”.

Để tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự góp phần nâng cao hiệu quả, kết quả công tác cưỡng chế thi hành án dân sự, đề tài đã nghiên cứu và bước đầu đưa ra một số quan niệm quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự; hệ thống hóa lại các quy định của pháp luật quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự và đưa ra một số giải pháp bước đầu nhằm bảo đảm cho quản lý nhà nước về cưỡng chế thi hành án dân sự được hiệu quả, từ đó góp phần đảm bảo thực hiện quyền lực nhà nước trong cưỡng chế thi hành án dân sự có hiệu quả và thống nhất.

Do thời gian nghiên cứu có hạn và được giới hạn trong khuôn khổ của luận văn thạc sỹ luật học, những vấn đề nêu ra trong luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, học viên sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện trong quá trình hoạt động thực tiễn của mình.

Để hoàn thành luận văn tốt nghiệp, học viên đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau và Người hướng dẫn khoa học và Thầy Cô Học viện khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Huy Ân (2012), *Tổ chức và hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau (2015), *Công văn số 20-CV/TU ngày 20/10/2015, về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác THADS trên địa bàn tỉnh Cà Mau*.
3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng Cục Thi hành án dân sự (2015), *Quy chế phối hợp số 1680/QCPHBHXHVN-TCTHADS ngày 08/5/2015 giữa Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Tổng Cục Thi hành án dân sự trong công tác THADS*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 25/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống PL Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005, về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW, ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005, về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2015), *Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015, về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*, Hà Nội.
9. Bộ Tư pháp (1998), *“Luận cứ Khoa học và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức hoạt động thi hành án ở Việt Nam trong giai đoạn mới”*, Đề tài cấp nhà nước.
10. Bộ Tư pháp chủ trì (2009), *Thi hành án dân sự, thực trạng và hướng hoàn toàn hoàn thiện của Dự án VIE/98.001*, Đề tài cấp nhà nước.
11. Bộ Tư pháp (2011), *Báo cáo thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, cán bộ có chức danh tư pháp và định hướng tới năm 2020*, Hà Nội.
12. Bộ Tư pháp (2012), *Sổ tay nghiệp vụ Thi hành án dân sự*, Hà Nội.

13. Bộ Tư pháp (2015), *Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 28/9/2015 ban hành kế hoạch triển khai ý kiến của Chủ tịch nước tại buổi làm việc với Bộ Tư pháp về công tác thi hành án dân sự*, Hà Nội.

14. Bộ Tư pháp (2013), *Chỉ thị số 03/CT-BTP ngày 24/9/2013 về việc tăng cường công tác quản lý công chức, viên chức của Bộ Tư pháp*.

15. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự*, Hà Nội.

16. Bộ Tư pháp (2016), *Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 08/4/2016 về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về PL của ngành tư pháp*, Hà Nội.

17. Bộ Tư pháp (2016), *Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự*, Hà Nội.

18. Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng (2015), *Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BTP-BQP ngày 19/11/2015 hướng dẫn thực hiện quản lý NN về công tác bồi thường trong hoạt động THADS*, Hà Nội.

19. Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng (2015), *Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BTP-BQP ngày 07/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường NN trong THADS*, Hà Nội.

20. Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/5/2016 hướng dẫn phối hợp trong thống kê thi hành án dân sự*, Hà Nội.

21. Giáp Văn Bền (2013), *Quản lý hành chính nhà nước đối với hoạt động thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.

22. Chính phủ (2015), *Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS*, Hà Nội.

23. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2013), *Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự năm 2013*, Cà Mau.
24. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2014), *Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự năm 2014*, Cà Mau.
25. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2015), *Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự năm 2015*, Cà Mau.
26. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2016), *Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự năm 2016*, Cà Mau.
27. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2017), *Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự năm 2017*, Cà Mau.
28. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2013), *Báo cáo thống kê năm 2013*, Cà Mau.
29. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2014), *Báo cáo thống kê năm 2014*, Cà Mau.
30. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2015), *Báo cáo thống kê năm 2015*, Cà Mau.
31. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2016), *Báo cáo thống kê năm 2016*, Cà Mau.
32. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (2017), *Báo cáo thống kê năm 2017*, Cà Mau.
33. Cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp chủ trì (2010), *mô hình quản lý, thống nhất công tác thi hành án*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ mã số 96-98-027/ĐT.
34. Nguyễn Mạnh Chiến (2011), *Thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
35. Cục Thống kê tỉnh Cà Mau (2017), *niên giám thống kê năm 2012 – 2017*.
36. Đại học Quốc gia Hà Nội (2007), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*.
37. Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Những vấn đề của lý luận quản lý Nhà nước*.

38. Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb sự thật, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
45. Nguyễn Minh Đoan (2010), *Thực hiện và áp dụng pháp luật ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Lê Thu Hà (2011), *Một số vấn đề hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Phan Thị Thu Hằng (2011), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
48. Phạm Văn Hữu (2011), *Quản lý nhà nước về thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Nguyễn Thị Hồi, *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Hà Nội.
50. Lê Xuân Hồng (2001), *Xã hội hóa thi hành án dân sự ở Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
51. Trần Phi Hùng (2012), *Pháp luật về thi hành án dân sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.

52. Nguyễn Công Long (2000), *Các BPCCTHADS, thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

53. Nguyễn Văn Luyện - chủ nhiệm (2010), *Kiến toàn mô hình tổ chức và đội ngũ cán bộ thi hành án để thực hiện có hiệu quả Luật Thi hành án dân sự năm 2008*, Đề án khoa học cấp Bộ.

54. Ưông Chu Lưu (2005), *Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện các hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Tòa án trong nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân*, Đề án KX 04-06 cấp Nhà nước.

55. Nguyễn Văn Mạnh (2010), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

56. Lê Thị Tuyết Minh (2012), *Một số giải pháp để giải quyết hiệu quả việc thi hành án dân sự tồn đọng*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số 6), tr.29-32.

57. Nguyễn Đức Nghĩa (2003), *Cơ sở lý luận và thực tiễn khắc phục án tồn đọng trong Thi hành án dân sự ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

58. Nguyễn Thị Thanh Ngọc (2014), *Thực hiện pháp luật THADS ở thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

59. Tăng Đình Năm (2006), *Các BPCCTHADS trong quân đội*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật trường Đại học quốc gia Hà Nội.

60. Trần Minh Nam (2013), *Tổ chức và hoạt động của Chi cục Thi hành án dân sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.

61. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

62. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Nghị quyết số 37/2012/QH13*, Hà Nội.

63. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
64. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
65. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Tổ chức Quốc hội*, Hà Nội.
66. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2014), *Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
67. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2015*.
68. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
69. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Nghị quyết số 107/2015/QH13 về thực hiện chế định Thừa phát lại*, Hà Nội.
70. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Hà Nội.
71. Nguyễn Trọng Tân (2008), *Áp dụng PL trong CCTHADS ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
72. Nguyễn Quang Thái (2008), *Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động THADS ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sỹ luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
73. Đỗ Thị Thanh Thủy (2015), *Thực hiện pháp luật thi hành án dân sự ở quận Dương Kinh thành phố Hải Phòng*, Luận văn thạc sỹ Luật, Học viện Chính trị quốc gia Hà Chí Minh, Hà Nội.
74. Nguyễn Thị Thíp (2013), *Hoàn thiện địa vị pháp lý của Chấp hành viên trong thi hành án dân sự tại Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

75. Nguyễn Thanh Thủy (2005), *Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 với việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về thi hành án*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, (số chuyên đề về nghiệp vụ THADS).

76. Nguyễn Thanh Thủy (2008), *Hoàn thiện PLTHADS ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

77. Trung tâm ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam (1998), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

78. *Từ điển Luật học* (1995), Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

79. *Từ điển Luật học* (1999), Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

80. Trần Đình Thắng (2009), *Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp theo yêu cầu của NN pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

81. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11-9 về tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự*, Hà Nội.

82. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (2017), *Báo cáo tổng kết từ năm 2012 đến năm 2017*.

83. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Công văn số: 01/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 về việc giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ*.

84. Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp (2014), *Báo cáo công tác thi hành án dân sự năm 2015, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp cơ bản năm 2016*, Hà Nội.

85. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 21/2008/CT-TTg ngày 01-7-2008 về 86 việc tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác THADS*, Hà Nội.

86. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 05/CT-TTg về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự*, Hà Nội.

87. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (2011), *Quyết định thành lập Ban chỉ đạo THADS tỉnh Cà Mau*.

88. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (2016), *Đề án thực hiện chế định thừa phát lại trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2020*.

89. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1993), *Pháp lệnh thi hành án dân sự*, Hà Nội.
90. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh thi hành án dân sự*, Hà Nội.
91. Viện khoa học pháp lý chủ trì phối hợp Cục THADS, BTP (2005), *Bình luận Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
92. Viện Khoa học pháp lý (2009) , *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
93. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau (2016), *Kết luận trực tiếp kiểm sát THADS*.
94. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau (2017), *Báo cáo tổng kết từ năm 2012 đến năm 2017*.
95. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Quy chế số 840 ngày 20/12/2016 về kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính*.
96. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh chủ trì (2010), *Những cơ sở lý luận và thực tiễn về chế định Thừa phát lại*.